

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 10A2

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 10A2 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hồng Thủy

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.

4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Lê Thị Trâm Anh	27/10/2009	Bệnh viện đa khoa Cần Đước, Long An	Kinh	Nữ		Ấp Hòa Quới, xã Tân Chánh, huyện cần Đước, tỉnh Long An
2	Nguyễn Huy Bảo	19/09/2009	Bệnh viện Triều An	Kinh	Nam		Ấp Bà Chù Xã Tân Lân Huyện Cần Đước
3	Trần Quốc Đạt	20/02/2009	Bệnh viện Cần Đước	Kinh	Nam		Ấp Ao Gòn xã Tân Lân huyện Cần Đước
4	Lê Thành Đạt	01/09/2009	Bệnh viện Từ Dũ - TP HCM	Kinh	Nam		Ấp Bà Nghĩa, xã Tân Chánh, huyện cần Đước, tỉnh Long An
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	17/04/2009	Tỉnh Long An	Kinh	Nam		Ấp Láng, xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/10/2009	Bình Phước	Kinh	Nữ		Khu 2, Thị trấn Cần Đước
7	Trần Thị Ngọc Hân	19/09/2009	Khoa sản bệnh viện Bến Lức, tỉnh Long An	Kinh	Nữ		Ấp 5 , Xã Tân Ân, Huyện Cần Đước, Long An
8	Trần Minh Hòa	13/07/2009	Bệnh viện Đa Khoa khu vực Gò Công, Tiền Giang	Kinh	Nam		Ấp 4
9	Nguyễn Gia Huy	23/02/2009	BV Từ Dũ-Tp.Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		ấp 5 xã Phước đông huyện Cần Đước tỉnh Long An
10	Nguyễn Hoàng Huy	17/02/2008	Hùng Vương-TPHCM	Kinh	Nam		Khu 3 TTCD
11	Nguyễn Thanh Huy	11/10/2009	Bệnh viện Từ Dũ	Kinh	Nam		Ấp Ao Gòn Xã Tân Lân Huyện Cần Đước
12	Nguyễn Tuấn Kha	06/09/2009	Bệnh viện Hùng Vương, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 6 xã Phước Đông huyện Cần Đước
13	Lâm Hoàng An Khang	25/11/2009	BV Đa khoa huyện Cần Giuộc tỉnh Long An	Kinh	Nam		Ấp Cầu Tam Bình Xã Mỹ Lệ Huyện Cần Đước
14	Nguyễn Hoàng Khang	28/09/2009	bệnh viện Hùng Vương	Kinh	Nam		Ấp 4 xã Phước Đông huyện Cần Đước
15	Nguyễn Tuấn Khang	02/04/2009	Bệnh viện đa khoa Cần Đước	Kinh	Nam		Ấp 2A, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đước
16	Đặng Anh Khoa	13/10/2009	Bệnh viện Từ Dũ, TP Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 3, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
17	Lê Trung Kiên	03/10/2009	Thành Phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung - Xã Tân Chánh - Huyện Cần Đước _ Tỉnh Long An
18	Vân Tuấn Kiệt	03/12/2009	Bệnh viện Đa khoa Cần Đước, Long An	Kinh	Nam		Ấp 1, xã Phước Đông, Cần Đước, Long An
19	Phan Thị Diễm Kiều	29/10/2009	Phường Vĩnh Phước, Thị Xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Kinh	Nữ		Ấp Láng Xã Tân Chánh, Xã Tân Chánh, Huyện Cần Đước, Long An
20	Trần Hoàng Long	20/07/2009	Tỉnh Long An	Kinh	Nam		Ấp Hòa Quới - Xã Tân Chánh - Huyện Cần Đước Tỉnh Long An
21	Nguyễn Minh Luân	20/02/2009	Bệnh viện Hùng Vương - TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Khu 1C TT Cần Đước Huyện Cần Đước tỉnh Long An
22	Huỳnh Thị Trúc My	19/07/2009	bệnh viện Hùng Vương, TPHCM	Kinh	Nữ		Ấp 5, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đước, Long An
23	Nguyễn Hoàng Nam	03/11/2009	bệnh viện Từ Dũ	Kinh	Nam		ẤP 2 XÃ TÂN ÂN
24	Đào Thị Kim Ngân	07/09/2009	Hậu Giang	Kinh	Nữ		Ấp7,Xã Phước Tuy,Huyện Cần Đước,Tỉnh Long An
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	09/09/2009	Bệnh viện Đa khoa Cần Đước - Long An	Kinh	Nữ		Ấp Đình - Tân Chánh - Cần Đước - Long An
26	Nguyễn Thanh Nhân	26/06/2009	Huyện Cần Đước, Long An	Kinh	Nam		683, tổ 26, ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	04/11/2009	Bệnh viện Từ Dũ, TP.Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 3 , xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
28	Nguyễn Tấn Phát	28/03/2008	Tỉnh Long An	Kinh	Nam		Ấp Đông Nhất,xã Tân Chánh, Cần Đước, Long An
29	Trần Tấn Phong	07/11/2009	Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công, Tiền Giang	Kinh	Nam		Ấp Hòa Quới, xã Tân Chánh, huyện cần Đước, tỉnh Long An
30	Lê Châu Tấn Phước	14/10/2009	Tỉnh Long An	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung, xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
31	Trần Thị Mỹ Phương	05/10/2009	Trạm y tế Phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng	Kinh	Nữ		Ấp Rạch Bọng Xã Tân Lân Huyện Cần Đước
32	Phạm Bá Sơn	12/09/2009	Bệnh viện Từ Dũ, TPHCM	Kinh	Nam		Ấp 6, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đước
33	Nguyễn Minh Tân	23/07/2009	Ấp 5, xã Tân Ân	Kinh	Nam		Ấp Ao Gòn Xã Tân Lân Huyện Cần Đước
34	Trần Phạm Tấn Thành	04/08/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Bà Nghĩa, xã Tân Chánh, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
35	Tô Hoàng Anh Thư	28/10/2009	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu 1A thị trấn Cần Đước huyện Cần Đước
36	Trần Tiến	18/08/2009	Bệnh viện Từ Dũ	Kinh	Nam		Ấp Nhà Dài Xã Tân Lân Huyện Cần Đước tỉnh Long An
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	12/02/2009	bệnh viện huyện Mỹ Tú, Tỉnh Sóc Trăng	Kinh	Nữ		ấp 6 xã Phước đông huyện Cần Đước tỉnh Long An
38	Nguyễn Ngọc Trí	07/09/2009	Bệnh viện Hùng Vương, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 2, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đước, Long An
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	03/05/2009	Bệnh viện Hùng Vương, Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		090,ấp 4 xã Phước Tuy huyện Cần Đước tỉnh Long An
40	Nguyễn Minh Tuyền	20/06/2009	Bệnh viện Cần Đước, Tỉnh Long An	Kinh	Nữ		Khu 4, thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
41	Phạm Thanh Vy	21/08/2009	Bệnh viện Cần Đước	Kinh	Nữ		Ấp Bình Hòa Xã Tân Lân Huyện Cần Đước
42	Vô Thị Thảo Vy	27/12/2009	Huyện Cần Đước, Long An	Kinh	Nữ		Khu 1B
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	10/09/2009	bệnh viện Cần Đước	Kinh	Nữ		Khu 7, Thị trấn Cần Đước , huyện Cần Đước, tỉnh Long An
44	Nguyễn Thị Như Ý	01/07/2009	Bệnh viện đa khoa Cần Đước	Kinh	Nữ		Ấp 2, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
45	Nguyễn Thị Kim Yến	20/08/2009	Bệnh viện đa khoa Cần Đước	Kinh	Nữ		Ấp 4, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1	Lê Văn Nhanh -	Nguyễn Thị Tuyết Nga -	
2	Nguyễn Thanh Long - Công nhân	Nguyễn Thị Mĩ Sa - Công nhân	
3	Trần Quốc Toàn - Lao động tự do	Nguyễn Thị Nghi Xuân - Nội trợ	
4	Lê Thành Khởi -	Đặng Thị Xem -	
5	Nguyễn Văn Nhứt -	Trần Thị Đào -	
6	Nguyễn Văn Hải -	Tô Thị Kim Thoa - công nhân	
7	Trần Ngọc Đoàn - Công nhân	Trần Thị Trúc Ly - Công nhân	
8	Trần Minh Quang - Lâm mướn	Liều Thị Kim Chi - Nội trợ	
9	Nguyễn Thành Luân - Tài xế	Võ Thị Thanh Thảo - Nội trợ	
10	Nguyễn Trương Thanh Hoàng - Công nhân	Phạm Thị Ngọc Hương - Công nhân	
11	Nguyễn Thanh Bình - Thợ hồ	Châu Thị Ngọc Diễm - Nội trợ	
12	Nguyễn Thanh Tuấn - Công nhân	Đỗ Thị Lệ Trinh - Nội trợ	
13	Lâm Hoàng Nhuận - Công nhân	Lê Thị Hồng Diễm - Công nhân	
14	Nguyễn Hòa Đông - lái xe	PHAN THỊ CẨM BÌNH - UỐN TÓC	
15	Nguyễn Văn Trung - Công nhân	Võ Thị Diễm Hằng - Công nhân	
16	Đặng Văn Xương - Buôn bán	Võ Thị Linh - Buôn bán	
17	Lê Thành Nam -	Cù Thị Hường -	
18	Văn Công Tấn - Thợ hồ	Dương Thị Thuý Vân - Buôn bán	
19	Phan Văn Quân - Nông dân	Giang Thị Tuyết Hương - Công nhân	
20	Trần Hoàng Linh -	Nguyễn Thị Ngọc Lý -	
21	Nguyễn Nhật Linh - Công nhân	Lưu Thị Minh - Công nhân	
22	Huỳnh Văn Giao - Công nhân	Trần Thị Hồng Trúc - Công nhân	
23	Nguyễn Văn Sang - dịch vụ nhạc Tây	Nguyễn Thị Hồng Nho - Nội trợ	
24	Đào Thanh Hiếu - Tài xế	Ngô Ngọc Hân - Nội trợ	
25	Huỳnh Văn Dũng -	Nguyễn Thị Mạnh -	
26	Nguyễn Vũ Thanh - Công nhân	Phạm Thị Kim Loan - Công nhân	
27	Nguyễn Văn Cường - Công nhân	Nguyễn Thị Hồng Loan - Công nhân	
28	Nguyễn Văn Lợi -	Nguyễn Thị Thanh Tuyền -	
29	Trần Tấn Phát -	Lê Thị Duy Phương -	
30	Lê Tấn Kiệt -	Châu Thị Lệ Thu -	
31	Trần Trung Nghĩa - Công nhân	Lê Thị Bích - Buôn bán	
32	Phạm Bá Trường - Chở hàng	Lê Kim Loan - Thợ may	
33	Nguyễn Hồng Hạnh - Thợ hồ	Lê Kim Ba - Công nhân	
34	Trần Hồng Thái -	Đỗ Thị Thảo Sương -	
35	Tô Hoàng Phong - Buôn bán	Phạm Thị Cẩm Nhung - Buôn bán	
36	Trần Phúc Lai - Lâm ruộng	Nguyễn Thị Lệ Thủy - Nội trợ	
37	Nguyễn Thanh Tuấn - công nhân	Nguyễn Thị Bích Sơn - công nhân	
38	Nguyễn Ngọc Lâm - Đi ghe	Đỗ Thị Mộng Thu - Đi ghe	
39	Lê Hoàng Lộc - Thợ mộc	Trần Thị Kim Thy - Công nhân	
40	Nguyễn Anh Tuyên - Điện cơ	Đặng Minh Nguyệt - Nội trợ	
41	Phạm Thanh Quen - Lâm mướn	Lê Thị Mỹ An - Công nhân	
42	Võ Tấn Quân - buôn bán	Bùi Thị Hồng Trang - buôn bán	
43	Nguyễn Văn Chiến - buôn bán	Kha Thị Thanh Lan - buôn bán	
44	Nguyễn Văn Hân - Lâm ruộng	Nguyễn Thị Kim Loan - công nhân	
45	Nguyễn Minh Thanh - Thợ hàn	Nguyễn Thị Vinh - Công nhân	

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2		TS	P	K
1	Lê Thị Trâm Anh																																	0	0	0
2	Nguyễn Huy Bảo																																	0	0	0
3	Trần Quốc Đạt																																	0	0	0
4	Lê Thành Đạt																																	0	0	0
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào																																	0	0	0
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
7	Trần Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
8	Trần Minh Hòa																																	0	0	0
9	Nguyễn Gia Huy																																	0	0	0
10	Nguyễn Hoàng Huy																																	0	0	0
11	Nguyễn Thanh Huy																																	0	0	0
12	Nguyễn Tuấn Kha																																	0	0	0
13	Lâm Hoàng An Khang																																	0	0	0
14	Nguyễn Hoàng Khang																																	0	0	0
15	Nguyễn Tuấn Khang																																	0	0	0
16	Đặng Anh Khoa																																	0	0	0
17	Lê Trung Kiên																																	0	0	0
18	Văn Tuấn Kiệt																																	0	0	0
19	Phan Thị Diễm Kiều																																	0	0	0
20	Trần Hoàng Long																																	0	0	0
21	Nguyễn Minh Luân																																	0	0	0
22	Huỳnh Thị Trúc My																																	0	0	0
23	Nguyễn Hoàng Nam																																	0	0	0
24	Đào Thị Kim Ngân														P																		1	1	0	
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc																																	0	0	0
26	Nguyễn Thanh Nhân																																	0	0	0
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi																																	0	0	0
28	Nguyễn Tấn Phát																																	0	0	0
29	Trần Tấn Phong																																	0	0	0
30	Lê Châu Tấn Phước																																	0	0	0
31	Trần Thị Mỹ Phương																																	0	0	0
32	Phạm Bá Sơn																																	0	0	0
33	Nguyễn Minh Tân																																	0	0	0
34	Trần Phạm Tấn Thành																																	0	0	0
35	Tô Hoàng Anh Thư																																	0	0	0
36	Trần Tiến																																	0	0	0
37	Nguyễn Thị Thùy Trang																																	0	0	0
38	Nguyễn Ngọc Trí																																	0	0	0
39	Lê Hoàng Cẩm Tú														P																		1	1	0	
40	Nguyễn Minh Tuyển																																	0	0	0
41	Phạm Thanh Vy																																	0	0	0
42	Võ Thị Thảo Vy																																	0	0	0
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy																																	0	0	0
44	Nguyễn Thị Như Ý																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Kim Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0

Ti lệ:

có phép: 100.00%
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hồng Thủy

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Lê Thị Hồng Thủy	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Lê Thị Hồng Thủy	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Lê Thị Hồng Thủy	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	TS	P	K
1	Lê Thị Trâm Anh																																	0	0	0
2	Nguyễn Huy Bảo																																	0	0	0
3	Trần Quốc Đạt																																	0	0	0
4	Lê Thành Đạt																																	0	0	0
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào																																	0	0	0
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân																						P										1	1	0	
7	Trần Thị Ngọc Hân																				P												1	1	0	
8	Trần Minh Hòa																																	0	0	0
9	Nguyễn Gia Huy																																	0	0	0
10	Nguyễn Hoàng Huy																																	0	0	0
11	Nguyễn Thanh Huy																																	0	0	0
12	Nguyễn Tuấn Kha													P																			1	1	0	
13	Lâm Hoàng An Khang																																	0	0	0
14	Nguyễn Hoàng Khang																																	0	0	0
15	Nguyễn Tuấn Khang																																	0	0	0
16	Đặng Anh Khoa																																	0	0	0
17	Lê Trung Kiên														K							K	K										3	0	3	
18	Văn Tuấn Kiệt																																	0	0	0
19	Phan Thị Diễm Kiều																				P												1	1	0	
20	Trần Hoàng Long																					K											1	0	1	
21	Nguyễn Minh Luân																				P												1	1	0	
22	Huỳnh Thị Trúc My																																	0	0	0
23	Nguyễn Hoàng Nam																	K															1	0	1	
24	Đào Thị Kim Ngân																																	0	0	0
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc																																	0	0	0
26	Nguyễn Thanh Nhân																																	0	0	0
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi																						P										1	1	0	
28	Nguyễn Tấn Phát														K			K			P	P	P										5	3	2	
29	Trần Tấn Phong																																	0	0	0
30	Lê Châu Tấn Phước																																	0	0	0
31	Trần Thị Mỹ Phương																		P														1	1	0	
32	Phạm Bá Sơn																																	0	0	0
33	Nguyễn Minh Tân																																	0	0	0
34	Trần Phạm Tấn Thành																																	0	0	0
35	Tô Hoàng Anh Thư																				K												1	0	1	
36	Trần Tiến																																	0	0	0
37	Nguyễn Thị Thùy Trang																		P				P										2	2	0	
38	Nguyễn Ngọc Trí																																	0	0	0
39	Lê Hoàng Cẩm Tú																		P														1	1	0	
40	Nguyễn Minh Tuyển																																	0	0	0
41	Phạm Thanh Vy																																	0	0	0
42	Võ Thị Thảo Vy																																	0	0	0
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy																						P										1	1	0	
44	Nguyễn Thị Như Ý																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Kim Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	4	1	0	5	4	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	22	14	8

Tỉ lệ:
có phép: 63.64%
không phép: 36.36%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hồng Thủy

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6				TS	P	K
1	Lê Thị Trâm Anh									P				P																				2	2	0
2	Nguyễn Huy Bảo																																	0	0	0
3	Trần Quốc Đạt																																	0	0	0
4	Lê Thành Đạt											P			P																			2	2	0
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào																																	0	0	0
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân																						P											1	1	0
7	Trần Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
8	Trần Minh Hòa																																	0	0	0
9	Nguyễn Gia Huy								P																									1	1	0
10	Nguyễn Hoàng Huy																																	0	0	0
11	Nguyễn Thanh Huy																												P					1	1	0
12	Nguyễn Tuấn Kha				P																													1	1	0
13	Lâm Hoàng An Khang																																	0	0	0
14	Nguyễn Hoàng Khang																																	0	0	0
15	Nguyễn Tuấn Khang																																	0	0	0
16	Đặng Anh Khoa																																	0	0	0
17	Lê Trung Kiên				P	P	P	P					K							K	K		P	P									9	6	3	
18	Văn Tuấn Kiệt																																	0	0	0
19	Phan Thị Diễm Kiều																																	0	0	0
20	Trần Hoàng Long																																	0	0	0
21	Nguyễn Minh Luân																																	0	0	0
22	Huỳnh Thị Trúc My				K												K						P											3	1	2
23	Nguyễn Hoàng Nam																																	0	0	0
24	Đào Thị Kim Ngân												P																					1	1	0
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc				P																													1	1	0
26	Nguyễn Thanh Nhân																																	0	0	0
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi						P																											1	1	0
28	Nguyễn Tấn Phát					P		P																										2	2	0
29	Trần Tấn Phong																																	0	0	0
30	Lê Châu Tấn Phước																																	0	0	0
31	Trần Thị Mỹ Phương				P																									P				2	2	0
32	Phạm Bá Sơn																										K							1	0	1
33	Nguyễn Minh Tân																																	0	0	0
34	Trần Phạm Tấn Thành																																	0	0	0
35	Tô Hoàng Anh Thư																K																	1	0	1
36	Trần Tiến																																	0	0	0
37	Nguyễn Thị Thùy Trang								P																									1	1	0
38	Nguyễn Ngọc Trí																																	0	0	0
39	Lê Hoàng Cẩm Tú																																	0	0	0
40	Nguyễn Minh Tuyển																																	0	0	0
41	Phạm Thanh Vy																																	0	0	0
42	Võ Thị Thảo Vy				P																													1	1	0
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy																																	0	0	0
44	Nguyễn Thị Như Ý																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Kim Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	6	2	2	2	2	1	0	1	2	1	1	0	2	0	0	1	1	0	1	3	0	0	1	0	0	2				31	24	7

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4		TS	P	K
1	Lê Thị Trâm Anh			P																														1	1	0
2	Nguyễn Huy Bảo																																	0	0	0
3	Trần Quốc Đạt																																	0	0	0
4	Lê Thành Đạt			P																														1	1	0
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào																																	0	0	0
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân													K																			1	0	1	
7	Trần Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
8	Trần Minh Hòa																																	0	0	0
9	Nguyễn Gia Huy																																	0	0	0
10	Nguyễn Hoàng Huy																																	0	0	0
11	Nguyễn Thanh Huy																																	0	0	0
12	Nguyễn Tuấn Kha																																	0	0	0
13	Lâm Hoàng An Khang																																	0	0	0
14	Nguyễn Hoàng Khang																																	0	0	0
15	Nguyễn Tuấn Khang																																	0	0	0
16	Đặng Anh Khoa																																	0	0	0
17	Lê Trung Kiên																																	0	0	0
18	Văn Tuấn Kiệt																																	0	0	0
19	Phan Thị Diễm Kiều																																	0	0	0
20	Trần Hoàng Long																																	0	0	0
21	Nguyễn Minh Luân																																	0	0	0
22	Huỳnh Thị Trúc My																																	0	0	0
23	Nguyễn Hoàng Nam																																	0	0	0
24	Đào Thị Kim Ngân																																	0	0	0
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc																																	0	0	0
26	Nguyễn Thanh Nhân																																	0	0	0
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi																																	0	0	0
28	Nguyễn Tấn Phát									P				K																			2	1	1	
29	Trần Tấn Phong																																	0	0	0
30	Lê Châu Tấn Phước																																	0	0	0
31	Trần Thị Mỹ Phương			P																														1	1	0
32	Phạm Bá Sơn																																	0	0	0
33	Nguyễn Minh Tân																																	0	0	0
34	Trần Phạm Tấn Thành																																	0	0	0
35	Tô Hoàng Anh Thư																																	0	0	0
36	Trần Tiến																																	0	0	0
37	Nguyễn Thị Thùy Trang																																	0	0	0
38	Nguyễn Ngọc Trí																																	0	0	0
39	Lê Hoàng Cẩm Tú																																	0	0	0
40	Nguyễn Minh Tuyển																																	0	0	0
41	Phạm Thanh Vy																																	0	0	0
42	Võ Thị Thảo Vy																																	0	0	0
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy													K																			1	0	1	
44	Nguyễn Thị Như Ý																																	0	0	0
45	Nguyễn Thị Kim Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7	4	3	

Tỉ lệ:

có phép: 57.14%
không phép: 42.86%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hồng Thủy

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Lê Thị Trâm Anh	8,0	8,0	8,0	8,0		5,5	4,0	6,1	Học được, cần cố gắng!
2	Nguyễn Huy Bảo	10,0	6,0	8,0	8,0		5,8	7,3	7,3	Học khá
3	Trần Quốc Đạt	8,0	5,0	5,0	8,0		5,0	5,0	5,7	Học được, cần cố gắng!
4	Lê Thành Đạt	9,0	5,0	5,0	8,0		5,8	5,3	6,1	Học được, cần cố gắng!
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	10,0	5,0	6,0	10,0		8,0	6,3	7,3	Học khá
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	5,0	5,0	5,0	8,0		5,0	4,0	5,0	Cần cố gắng hơn
7	Trần Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	7,0	10,0		9,0	6,3	8,0	Học giỏi
8	Trần Minh Hòa	5,0	7,0	9,0	9,0		6,5	6,3	6,9	Học được, cần cố gắng!
9	Nguyễn Gia Huy	8,0	5,0	9,0	8,0		5,0	4,0	5,8	Học được, cần cố gắng!
10	Nguyễn Hoàng Huy	10,0	10,0	5,0	10,0		8,5	8,3	8,5	Học giỏi, chăm ngoan
11	Nguyễn Thanh Huy	10,0	9,0	10,0	10,0		7,3	6,3	8,1	Học giỏi, chăm ngoan
12	Nguyễn Tuấn Kha	5,0	5,0	5,0	7,0		5,3	4,0	5,0	Cần cố gắng hơn
13	Lâm Hoàng An Khang	10,0	10,0	10,0	10,0		8,5	7,0	8,7	Học giỏi, chăm ngoan
14	Nguyễn Hoàng Khang	8,0	7,0	9,0	9,0		7,5	6,8	7,6	Học khá
15	Nguyễn Tuấn Khang	3,0	6,0	5,0	9,0		5,0	5,5	5,5	Cần cố gắng hơn
16	Đặng Anh Khoa	10,0	8,0	6,0	10,0		7,5	5,0	7,1	Học khá
17	Lê Trung Kiên	5,0	8,0	9,0	8,0		5,0	4,0	5,8	Học được, cần cố gắng!
18	Vân Tuấn Kiệt	10,0	10,0	10,0	10,0		9,8	9,0	9,6	Học giỏi, chăm ngoan
19	Phan Thị Diễm Kiều	9,0	7,0	7,0	8,0		7,5	5,3	6,9	Học được, cần cố gắng!
20	Trần Hoàng Long	7,0	5,0	5,0	8,0		5,0	3,5	5,1	Cần cố gắng hơn
21	Nguyễn Minh Luân	10,0	10,0	10,0	8,0		7,5	6,5	8,1	Học giỏi, chăm ngoan
22	Huỳnh Thị Trúc My	9,0	5,0	5,0	9,0		8,0	6,5	7,1	Học khá
23	Nguyễn Hoàng Nam	8,0	5,0	8,0	8,0		7,8	7,0	7,3	Học khá
24	Đào Thị Kim Ngân	5,0	5,0	5,0	9,0		5,0	4,0	5,1	Cần cố gắng hơn
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	10,0	5,0	8,0	8,0		6,0	5,3	6,5	Học khá
26	Nguyễn Thanh Nhân	8,0	9,0	7,0	8,0		7,3	6,8	7,4	Học khá
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	10,0	5,0	5,0	9,0		6,0	4,0	5,9	Học được, cần cố gắng!
28	Nguyễn Tấn Phát	7,0	6,0	6,0	8,0		6,3	6,3	6,5	Học khá
29	Trần Tấn Phong	9,0	7,0	6,0	8,0		6,8	6,8	7,1	Học khá
30	Lê Châu Tấn Phước	9,0	6,0	9,0	9,0		5,3	5,0	6,5	Học khá
31	Trần Thị Mỹ Phương	7,0	7,0	8,0	8,0		7,0	5,3	6,7	Học khá
32	Phạm Bá Sơn	10,0	5,0	9,0	9,0		5,5	5,0	6,6	Học khá
33	Nguyễn Minh Tân	7,0	5,0	5,0	9,0		6,0	5,0	5,9	Học được, cần cố gắng!
34	Trần Phạm Tấn Thành	5,0	5,0	9,0	9,0		5,0	5,8	6,2	Học được, cần cố gắng!
35	Tô Hoàng Anh Thư	9,0	6,0	4,0	8,0		6,8	6,0	6,5	Học khá
36	Trần Tiến	5,0	5,0	8,0	8,0		5,8	4,0	5,5	Học được, cần cố gắng!
37	Nguyễn Thị Thủy Trang	10,0	10,0	10,0	10,0		9,5	8,8	9,5	Học giỏi, chăm ngoan
38	Nguyễn Ngọc Trí	8,0	6,0	8,0	8,0		6,5	5,3	6,5	Học khá
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	9,0	9,0	8,0	10,0		9,0	6,0	8,0	Học giỏi, chăm ngoan
40	Nguyễn Minh Tuyền	10,0	10,0	9,0	10,0		9,0	8,0	9,0	Học giỏi, chăm ngoan
41	Phạm Thanh Vy	10,0	8,0	8,0	6,0		8,8	8,8	8,4	Học giỏi, chăm ngoan
42	Võ Thị Thảo Vy	8,0	5,0	8,0	7,0		8,0	5,3	6,7	Học khá
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	5,0	8,0	8,0	8,0		5,0	4,0	5,7	Học được, cần cố gắng!
44	Nguyễn Thị Như Ý	6,0	6,0	8,0	9,0		7,0	6,5	6,9	Học khá
45	Nguyễn Thị Kim Yến	5,0	8,0	8,0	9,0		6,5	6,5	6,9	Học khá

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Duy Phương

Vật lý HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Lê Thị Trâm Anh	7,0	5,0	6,0			7,0	5,8	6,2	Học khá, cần cố gắng hơn nữa ở học kỳ II	
2	Nguyễn Huy Bảo	8,0	9,0	9,0			9,3	9,5	9,1	Tích cực trong giờ học!	
3	Trần Quốc Đạt	8,0	6,0	5,0			6,0	5,8	6,1	Học khá, cần cố gắng hơn nữa ở học kỳ II!	
4	Lê Thành Đạt	8,0	3,0	5,0			7,0	6,3	6,1	Học khá, cần cố gắng hơn nữa ở học kỳ II!	
5	Nguyễn Trần Nhứt Hào	8,0	6,0	7,0			7,0	7,3	7,1	Học khá!	
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	4,0	5,0			7,5	6,5	6,3	Học khá!	
7	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	6,0	9,0			8,8	8,3	8,2	Tích cực trong giờ học!	
8	Trần Minh Hòa	8,0	5,0	7,0			7,8	8,0	7,5	Học khá!	
9	Nguyễn Gia Huy	8,0	4,0	5,0			6,0	5,8	5,8	Cần cố gắng nhiều hơn!	
10	Nguyễn Hoàng Huy	8,0	10,0	10,0			10,0	9,3	9,5	Ngoan, tích cực trong giờ học!	
11	Nguyễn Thanh Huy	8,0	9,0	10,0			9,5	10,0	9,5	Ngoan, tích cực trong giờ học!	
12	Nguyễn Tuấn Kha	8,0	6,0	5,0			6,0	6,0	6,1	Học khá, cần cố gắng hơn nữa ở học kỳ II!	
13	Lâm Hoàng An Khang	8,0	6,0	6,0			6,5	6,8	6,7	Học khá, cần cố gắng hơn nữa ở học kỳ II!	
14	Nguyễn Hoàng Khang	8,0	5,0	9,0			8,0	7,8	7,7	Học khá!	
15	Nguyễn Tuấn Khang	7,0	2,0	5,0			6,5	5,0	5,3	Cần cố gắng nhiều hơn!	
16	Đặng Anh Khoa	8,0	5,0	5,0			7,0	6,3	6,4	Học khá, cần cố gắng hơn nữa ở học kỳ II!	
17	Lê Trung Kiên	8,0	3,0	5,0			7,0	5,0	5,6	Cần cố gắng nhiều hơn!	
18	Văn Tuấn Kiệt	8,0	8,0	10,0			10,0	8,8	9,1	Chăm, ngoan!	
19	Phan Thị Diễm Kiều	8,0	9,0	10,0			9,0	9,5	9,2	Ngoan, tích cực trong giờ học!	
20	Trần Hoàng Long	8,0	3,0	5,0			4,5	6,0	5,4	Cần cố gắng hơn	
21	Nguyễn Minh Luân	7,0	5,0	5,0			6,0	5,3	5,6	Cần cố gắng hơn	
22	Huỳnh Thị Trúc My	8,0	8,0	8,0			9,8	7,0	8,1	Tích cực trong giờ học!	
23	Nguyễn Hoàng Nam	7,0	6,0	8,0			6,8	6,8	6,9	Học khá, cần cố gắng hơn nữa ở học kỳ II!	
24	Đào Thị Kim Ngân	8,0	5,0	5,0			5,8	6,3	6,1	Học khá, cần cố gắng hơn nữa ở học kỳ II!	
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	8,0	9,0	9,0			8,5	9,0	8,8	Tích cực trong giờ học!	
26	Nguyễn Thanh Nhân	8,0	4,0	5,0			6,5	5,8	5,9	Cần cố gắng hơn	
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	8,0	3,0	5,0			6,0	5,5	5,6	Cần cố gắng hơn	
28	Nguyễn Tấn Phát	8,0	4,0	6,0			6,5	6,5	6,3	Cần cố gắng hơn	
29	Trần Tấn Phong	8,0	6,0	8,0			7,0	7,3	7,2	Học khá!	
30	Lê Châu Tấn Phước	8,0	5,0	5,0			6,0	8,0	6,8	Học khá, cần cố gắng hơn nữa ở học kỳ II!	
31	Trần Thị Mỹ Phương	8,0	5,0	5,0			5,0	6,5	5,9	Cần cố gắng hơn	
32	Phạm Bá Sơn	8,0	4,0	5,0			6,0	5,8	5,8	Cần cố gắng hơn	
33	Nguyễn Minh Tân	8,0	5,0	7,0			7,0	5,3	6,2	Học khá, cần cố gắng hơn nữa ở học kỳ II!	
34	Trần Phạm Tấn Thành	8,0	3,0	6,0			7,0	6,0	6,1	Học khá, cần cố gắng hơn nữa ở học kỳ II!	
35	Tô Hoàng Anh Thư	8,0	4,0	10,0			8,0	7,0	7,4	Học khá!	
36	Trần Tiến	7,0	3,0	5,0			7,0	7,0	6,3	Học khá, cần cố gắng hơn nữa ở học kỳ II!	
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	8,0	8,0	8,0			9,0	8,8	8,6	Tích cực trong giờ học!	
38	Nguyễn Ngọc Trí	8,0	6,0	5,0			6,0	5,3	5,9	Cần cố gắng hơn	
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	8,0	4,0	9,0			7,5	8,0	7,5	Học khá!	
40	Nguyễn Minh Tuyền	8,0	7,0	9,0			9,5	8,8	8,7	Tích cực trong giờ học!	
41	Phạm Thanh Vy	8,0	6,0	7,0			8,8	8,0	7,8	Học khá!	
42	Võ Thị Thảo Vy	8,0	5,0	7,0			8,8	8,5	7,9	Học khá!	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	7,0	3,0	5,0			5,5	6,0	5,5	Cần cố gắng hơn	
44	Nguyễn Thị Như Ý	8,0	4,0	10,0			9,5	8,8	8,4	Tích cực trong giờ học!	
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	5,0	10,0			8,5	8,0	8,0	Tích cực trong giờ học!	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Bùi Yến Khanh

Hóa học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Lê Thị Trâm Anh	8,0	10,0	9,0			7,0	6,5	7,6	Học khá. Chăm, ngoan	
2	Nguyễn Huy Bảo	8,0	9,0	8,0			7,0	9,3	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	
3	Trần Quốc Đạt	8,0	8,0	8,0			7,8	7,5	7,8	Học khá. Chăm, ngoan	
4	Lê Thành Đạt	8,0	10,0	9,0			7,0	5,0	7,0	Học khá. Chăm, ngoan	
5	Nguyễn Trần Nhứt Hào	8,0	9,0	9,0			8,3	5,8	7,5	Học khá. Chăm, ngoan	
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	10,0	9,0			8,5	6,8	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	
7	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	10,0	8,0			9,5	10,0	9,4	Học tốt. Chăm, ngoan	
8	Trần Minh Hòa	8,0	10,0	8,0			8,8	8,3	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	
9	Nguyễn Gia Huy	8,0	10,0	9,0			5,3	4,8	6,5	Cần cố gắng ở học kỳ 2	
10	Nguyễn Hoàng Huy	10,0	10,0	9,0			9,8	10,0	9,8	Học tốt. Chăm, ngoan	
11	Nguyễn Thanh Huy	8,0	9,0	8,0			9,8	8,5	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	
12	Nguyễn Tuấn Kha	8,0	10,0	8,0			7,8	6,8	7,8	Học khá. Chăm, ngoan	
13	Lâm Hoàng An Khang	10,0	10,0	9,0			8,5	9,8	9,4	Học tốt. Chăm, ngoan	
14	Nguyễn Hoàng Khang	8,0	9,0	9,0			8,3	5,8	7,5	Học khá. Chăm, ngoan	
15	Nguyễn Tuấn Khang	8,0	10,0	8,0			7,0	7,5	7,8	Học khá. Chăm, ngoan	
16	Đặng Anh Khoa	8,0	10,0	8,0			9,0	5,8	7,7	Học khá. Chăm, ngoan	
17	Lê Trung Kiên	8,0	9,0	8,0			8,0	6,0	7,4	Học khá. Chăm, ngoan	
18	Văn Tuấn Kiệt	10,0	10,0	9,0			10,0	9,8	9,8	Học tốt. Chăm, ngoan	
19	Phan Thị Diễm Kiều	8,0	10,0	8,0			8,3	7,0	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	
20	Trần Hoàng Long	8,0	9,0	9,0			7,3	6,3	7,4	Học khá. Chăm, ngoan	
21	Nguyễn Minh Luân	9,0	10,0	9,0			10,0	9,8	9,7	Học tốt. Chăm, ngoan	
22	Huỳnh Thị Trúc My	9,0	10,0	9,0			7,8	6,3	7,8	Học khá. Chăm, ngoan	
23	Nguyễn Hoàng Nam	8,0	10,0	9,0			9,0	7,5	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	
24	Đào Thị Kim Ngân	8,0	10,0	9,0			8,0	5,5	7,4	Học khá. Chăm, ngoan	
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	10,0	10,0	9,0			8,0	8,0	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	
26	Nguyễn Thanh Nhân	8,0	10,0	8,0			8,5	7,0	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	8,0	10,0	8,0			8,5	6,8	7,9	Học khá. Chăm, ngoan	
28	Nguyễn Tấn Phát	8,0	10,0	8,0			8,3	7,8	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	
29	Trần Tấn Phong	8,0	9,0	8,0			7,5	8,8	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	
30	Lê Châu Tấn Phước	8,0	10,0	9,0			7,5	5,3	7,2	Học khá. Chăm, ngoan	
31	Trần Thị Mỹ Phương	8,0	10,0	8,0			9,5	9,3	9,1	Học tốt. Chăm, ngoan	
32	Phạm Bá Sơn	8,0	10,0	9,0			7,0	5,3	7,1	Học khá. Chăm, ngoan	
33	Nguyễn Minh Tân	8,0	9,0	8,0			8,0	6,3	7,5	Học khá. Chăm, ngoan	
34	Trần Phạm Tấn Thành	8,0	9,0	9,0			7,5	7,0	7,8	Học khá. Chăm, ngoan	
35	Tô Hoàng Anh Thư	8,0	10,0	9,0			6,8	5,0	7,0	Học khá. Chăm, ngoan	
36	Trần Tiến	8,0	10,0	9,0			8,0	8,3	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	10,0	9,0	9,0			9,3	9,8	9,5	Học tốt. Chăm, ngoan	
38	Nguyễn Ngọc Trí	8,0	10,0	9,0			6,3	6,0	7,2	Học khá. Chăm, ngoan	
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	8,0	10,0	8,0			9,8	7,8	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	
40	Nguyễn Minh Tuyền	9,0	10,0	8,0			10,0	9,8	9,6	Học tốt. Chăm, ngoan	
41	Phạm Thanh Vy	8,0	10,0	8,0			8,8	9,8	9,1	Học tốt. Chăm, ngoan	
42	Võ Thị Thảo Vy	8,0	10,0	9,0			8,8	9,3	9,1	Học tốt. Chăm, ngoan	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	10,0	9,0			6,8	6,5	7,5	Học khá. Chăm, ngoan	
44	Nguyễn Thị Như Ý	8,0	9,0	8,0			9,3	9,3	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	
45	Nguyễn Thị Kim Yến	9,0	9,0	9,0			9,5	8,0	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ung Nguyễn Thị Thùy Dương

Sinh học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Lê Thị Trâm Anh	6,0	9,0	9,0			9,3	7,5	8,1	Chăm ngoan, học tốt.	
2	Nguyễn Huy Bảo	8,0	10,0	9,0			8,5	8,8	8,8	Chăm ngoan, học tốt..	
3	Trần Quốc Đạt	9,0	6,0	9,0			5,5	5,8	6,6	Học khá, cần cố gắng hơn.	
4	Lê Thành Đạt	5,0	7,0	9,0			7,8	6,3	6,9	Học khá, cần cố gắng hơn.	
5	Nguyễn Trần Nhứt Hào	8,0	10,0	9,0			7,3	4,3	6,8	Học khá, cần cố gắng hơn.	
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	5,0	8,0	6,0			8,0	7,3	7,1	Học khá, cần cố gắng hơn.	
7	Trần Thị Ngọc Hân	10,0	10,0	9,0			10,0	9,5	9,7	Học tốt, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
8	Trần Minh Hòa	10,0	9,0	9,0			7,5	6,8	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
9	Nguyễn Gia Huy	6,0	8,0	9,0			7,5	7,5	7,6	Học khá, chăm ngoan..	
10	Nguyễn Hoàng Huy	9,0	10,0	9,0			10,0	9,5	9,6	Họctốt, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
11	Nguyễn Thanh Huy	9,0	10,0	9,0			9,3	9,3	9,3	Học tốt, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
12	Nguyễn Tuấn Kha	5,0	6,0	8,0			7,5	5,5	6,3	Học được, cần cố gắng hơn.	
13	Lâm Hoàng An Khang	10,0	10,0	9,0			5,3	4,0	6,5	Học khá, cần cố gắng hơn.	
14	Nguyễn Hoàng Khang	5,0	9,0	9,0			8,0	5,8	7,1	Học khá, cần cố gắng hơn.	
15	Nguyễn Tuấn Khang	6,0	9,0	6,0			4,8	5,0	5,7	Học được, cần cố gắng hơn.	
16	Đặng Anh Khoa	6,0	9,0	8,0			6,5	5,0	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.	
17	Lê Trung Kiên	8,0	9,0	7,0			7,5	4,0	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.	
18	Văn Tuấn Kiệt	10,0	10,0	10,0			9,8	9,0	9,6	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
19	Phan Thị Diễm Kiều	10,0	8,0	9,0			8,5	9,0	8,9	Chăm ngoan, học tốt..	
20	Trần Hoàng Long	5,0	9,0	8,0			7,0	3,3	5,7	Học được, cần cố gắng hơn.	
21	Nguyễn Minh Luân	7,0	9,0	8,0			6,8	3,8	6,1	Học được, cần cố gắng hơn.	
22	Huỳnh Thị Trúc My	10,0	10,0	9,0			9,5	9,0	9,4	Học tốt., chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
23	Nguyễn Hoàng Nam	5,0	7,0	9,0			8,3	8,3	7,8	Học khá, chăm ngoan.	
24	Đào Thị Kim Ngân	6,0	9,0	9,0			5,8	7,5	7,3	Học khá, cần cố gắng hơn.	
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	10,0	10,0	10,0			8,0	8,0	8,8	Chăm ngoan, học tốt..	
26	Nguyễn Thanh Nhân	7,0	9,0	8,0			7,0	5,0	6,6	Học khá, cần cố gắng hơn.	
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	8,0	8,0	9,0			6,0	5,5	6,7	Học khá, cần cố gắng hơn.	
28	Nguyễn Tấn Phát	8,0	9,0	7,0			8,5	5,8	7,3	Học khá, cần cố gắng hơn.	
29	Trần Tấn Phong	9,0	8,0	9,0			7,3	3,0	6,2	Học được, cần cố gắng hơn.	
30	Lê Châu Tấn Phước	9,0	7,0	9,0			6,5	6,0	7,0	Học khá, cần cố gắng hơn.	
31	Trần Thị Mỹ Phương	8,0	9,0	9,0			5,5	6,3	7,0	Học khá, cần cố gắng hơn.	
32	Phạm Bá Sơn	5,0	8,0	8,0			4,8	5,3	5,8	Học được, cần cố gắng hơn.	
33	Nguyễn Minh Tân	7,0	8,0	9,0			6,5	7,0	7,3	Học khá, cần cố gắng hơn.	
34	Trần Phạm Tấn Thành	7,0	6,0	9,0			7,8	4,5	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.	
35	Tô Hoàng Anh Thư	7,0	9,0	5,0			7,0	6,5	6,8	Học khá, cần cố gắng hơn.	
36	Trần Tiến	7,0	8,0	8,0			6,3	3,3	5,7	Học được, cần cố gắng hơn.	
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	9,0	10,0	9,0			9,8	7,5	8,8	Chăm ngoan, học tốt..	
38	Nguyễn Ngọc Trí	5,0	7,0	8,0			4,8	6,5	6,1	Học được, cần cố gắng hơn.	
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	10,0	7,0	9,0			8,3	7,3	8,1	Chăm ngoan, học tốt.i	
40	Nguyễn Minh Tuyền	7,0	9,0	9,0			10,0	9,5	9,2	Học tốt, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
41	Phạm Thanh Vy	9,0	9,0	9,0			9,8	8,5	9,0	Học tốt, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
42	Võ Thị Thảo Vy	7,0	10,0	9,0			9,3	9,5	9,1	Học tốt, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	6,0	6,0	9,0			7,8	6,8	7,1	Học khá, cần cố gắng hơn.	
44	Nguyễn Thị Như Ý	7,0	8,0	9,0			10,0	7,0	8,1	Chăm ngoan, học tốt.	
45	Nguyễn Thị Kim Yến	7,0	6,0	9,0			9,8	7,3	7,9	Học khá, chăm ngoan.	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Tràng

Tin học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Lê Thị Trâm Anh	9,0	10,0	10,0			9,0	8,0	8,9	Học tốt	
2	Nguyễn Huy Bảo	7,0	10,0	7,0			9,0	7,5	8,1	Học tốt	
3	Trần Quốc Đạt	9,0	10,0	10,0			8,5	6,5	8,2	Học tốt	
4	Lê Thành Đạt	8,0	10,0	10,0			8,5	5,0	7,5	Học khá	
5	Nguyễn Trần Nhứt Hào	9,0	10,0	10,0			8,5	7,0	8,4	Học tốt	
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	10,0	10,0			8,5	8,0	8,8	Học tốt	
7	Trần Thị Ngọc Hân	10,0	10,0	9,0			7,5	8,5	8,7	Học tốt	
8	Trần Minh Hòa	8,0	10,0	10,0			9,0	6,5	8,2	Học tốt	
9	Nguyễn Gia Huy	8,0	10,0	10,0			8,5	7,5	8,4	Học tốt	
10	Nguyễn Hoàng Huy	10,0	10,0	10,0			9,0	8,5	9,2	Học tốt	
11	Nguyễn Thanh Huy	7,0	10,0	7,0			9,0	7,5	8,1	Học tốt	
12	Nguyễn Tuấn Kha	9,0	7,0	9,0			8,5	6,0	7,5	Học khá	
13	Lâm Hoàng An Khang	8,0	10,0	8,0			8,5	9,0	8,8	Học tốt	
14	Nguyễn Hoàng Khang	9,0	7,0	7,0			7,0	7,5	7,4	Học khá	
15	Nguyễn Tuấn Khang	9,0	10,0	10,0			6,0	6,5	7,6	Học khá	
16	Đặng Anh Khoa	9,0	9,0	10,0			9,0	6,0	8,0	Học tốt	
17	Lê Trung Kiên	9,0	10,0	10,0			9,0	7,0	8,5	Học tốt	
18	Văn Tuấn Kiệt	8,0	10,0	10,0			9,0	8,0	8,8	Học tốt	
19	Phan Thị Diễm Kiều	9,0	8,0	9,0			9,0	8,5	8,7	Học tốt	
20	Trần Hoàng Long	9,0	10,0	10,0			8,5	5,5	7,8	Học khá	
21	Nguyễn Minh Luân	9,0	10,0	10,0			9,0	8,0	8,9	Học tốt	
22	Huỳnh Thị Trúc My	10,0	10,0	9,0			9,0	8,0	8,9	Học tốt	
23	Nguyễn Hoàng Nam	9,0	10,0	10,0			8,5	8,0	8,8	Học tốt	
24	Đào Thị Kim Ngân	8,0	10,0	10,0			9,0	8,0	8,8	Học tốt	
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	Học tốt	
26	Nguyễn Thanh Nhân	8,0	10,0	10,0			8,5	8,0	8,6	Học tốt	
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	9,0	10,0	10,0			9,0	7,0	8,5	Học tốt	
28	Nguyễn Tấn Phát	9,0	8,0	10,0			9,0	5,5	7,7	Học khá	
29	Trần Tấn Phong	9,0	9,0	10,0			9,0	8,5	8,9	Học tốt	
30	Lê Châu Tấn Phước	8,0	9,0	10,0			7,5	7,0	7,9	Học khá	
31	Trần Thị Mỹ Phương	10,0	9,0	10,0			7,5	7,0	8,1	Học tốt	
32	Phạm Bá Sơn	8,0	10,0	9,0			8,0	5,0	7,3	Học khá	
33	Nguyễn Minh Tân	10,0	10,0	9,0			6,5	6,0	7,5	Học khá	
34	Trần Phạm Tấn Thành	8,0	10,0	10,0			8,5	6,5	8,1	Học tốt	
35	Tô Hoàng Anh Thư	10,0	10,0	9,0			9,0	8,0	8,9	Học tốt	
36	Trần Tiến	9,0	10,0	10,0			8,5	7,5	8,6	Học tốt	
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	10,0	10,0	10,0			8,5	7,5	8,7	Học tốt	
38	Nguyễn Ngọc Trí	7,0	10,0	10,0			7,0	7,5	7,9	Học khá	
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	8,0	10,0	10,0			8,5	7,0	8,3	Học tốt	
40	Nguyễn Minh Tuyền	8,0	10,0	10,0			9,0	8,5	8,9	Học tốt	
41	Phạm Thanh Vy	9,0	9,0	10,0			9,0	6,5	8,2	Học tốt	
42	Võ Thị Thảo Vy	10,0	9,0	8,0			8,5	8,0	8,5	Học tốt	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	9,0	8,0	9,0			8,5	8,5	8,6	Học tốt	
44	Nguyễn Thị Như Ý	9,0	10,0	10,0			9,0	8,5	9,1	Học tốt	
45	Nguyễn Thị Kim Yến	9,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,8	Học tốt	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trương Phụng Thọ

Ngữ văn HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhh	Ghi Chú	
1	Lê Thị Trâm Anh	6,0	5,0	7,0	7,0		5,0	6,5	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
2	Nguyễn Huy Bảo	6,0	8,0	7,0	8,0		6,5	5,5	6,5	Học khá	
3	Trần Quốc Đạt	5,0	6,0	6,0	6,7		6,0	5,0	5,6	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
4	Lê Thành Đạt	5,0	5,0	6,0	5,0		3,0	5,5	4,8	Cần cố gắng hơn	
5	Nguyễn Trần Nhứt Hào	7,0	6,0	7,0	7,0		6,0	5,0	6,0	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	4,0	4,0	5,0	7,0		3,5	7,0	5,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
7	Trần Thị Ngọc Hân	6,0	7,0	7,0	7,0		5,5	7,0	6,6	Học khá	
8	Trần Minh Hòa	6,0	8,0	9,0	9,0		6,0	6,0	6,9	Học khá	
9	Nguyễn Gia Huy	5,0	4,0	4,0	5,0		5,0	6,0	5,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
10	Nguyễn Hoàng Huy	7,0	8,0	8,0	8,0		5,0	7,5	7,1	Học khá	
11	Nguyễn Thanh Huy	8,0	9,0	8,0	8,0		4,0	4,5	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
12	Nguyễn Tuấn Kha	6,0	6,0	6,0	7,0		4,5	5,0	5,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
13	Lâm Hoàng An Khang	7,0	8,0	8,0	8,0		5,5	5,0	6,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
14	Nguyễn Hoàng Khang	6,0	7,0	6,0	7,0		5,5	6,5	6,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
15	Nguyễn Tuấn Khang	4,0	5,0	4,0	6,0		3,5	4,5	4,4	Cần cố gắng hơn	
16	Đặng Anh Khoa	6,0	6,0	7,0	7,0		5,0	5,0	5,7	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
17	Lê Trung Kiên	4,0	5,0	4,0	5,0		5,0	4,5	4,6	Cần cố gắng hơn	
18	Văn Tuấn Kiệt	8,0	8,0	9,0	7,0		7,0	4,5	6,6	Học khá	
19	Phan Thị Diễm Kiều	8,0	9,0	8,0	9,0		6,0	4,5	6,6	Học khá	
20	Trần Hoàng Long	4,0	5,0	5,0	4,0		3,0	5,5	4,5	Cần cố gắng hơn	
21	Nguyễn Minh Luân	7,0	8,0	7,0	7,0		4,0	4,5	5,6	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
22	Huỳnh Thị Trúc My	6,0	6,0	8,0	7,0		6,0	6,5	6,5	Học khá	
23	Nguyễn Hoàng Nam	6,0	8,0	8,0	8,0		4,0	6,0	6,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
24	Đào Thị Kim Ngân	5,0	6,0	6,0	7,0		4,5	4,0	5,0	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	7,0	8,0	10,0	8,0		6,5	6,5	7,3	Học khá	
26	Nguyễn Thanh Nhân	6,0	9,0	7,0	7,0		4,5	5,0	5,9	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	6,0	6,0	7,0	6,0		5,0	5,5	5,7	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
28	Nguyễn Tấn Phát	6,0	5,0	5,0	4,0		4,0	5,0	4,8	Cần cố gắng hơn	
29	Trần Tấn Phong	6,0	7,0	8,0	7,0		6,0	6,0	6,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
30	Lê Châu Tấn Phước	8,0	7,0	8,0	6,0		3,5	5,0	5,7	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
31	Trần Thị Mỹ Phương	6,0	6,0	8,0	7,0		6,0	6,0	6,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
32	Phạm Bá Sơn	5,0	4,0	4,0	7,0		5,0	5,5	5,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
33	Nguyễn Minh Tân	6,0	8,0	8,0	8,0		4,0	5,0	5,9	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
34	Trần Phạm Tấn Thành	5,0	6,0	7,0	7,0		4,5	6,5	5,9	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
35	Tô Hoàng Anh Thư	6,0	6,0	6,0	6,0		2,5	3,0	4,2	Cần cố gắng hơn	
36	Trần Tiến	6,0	8,0	7,0	8,0		4,5	5,5	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	9,0	8,0	9,0	9,0		2,0	7,0	6,7	Học khá	
38	Nguyễn Ngọc Trí	6,0	5,0	7,0	6,0		4,0	5,5	5,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	7,0	8,0	8,0	7,0		6,5	7,0	7,1	Học khá	
40	Nguyễn Minh Tuyền	6,0	7,0	8,0	7,0		6,5	6,0	6,6	Học khá	
41	Phạm Thanh Vy	7,0	5,0	8,0	7,0		7,5	8,0	7,3	Học khá	
42	Võ Thị Thảo Vy	6,0	7,0	7,0	7,0		6,0	5,0	6,0	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	6,0	6,0	5,0	6,0		4,5	4,5	5,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
44	Nguyễn Thị Như Ý	6,0	8,0	7,0	8,0		6,0	6,0	6,6	Học khá	
45	Nguyễn Thị Kim Yến	6,0	8,0	7,0	8,0		4,0	5,5	5,9	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Vân

Lịch sử HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Lê Thị Trâm Anh	7,0	10,0	8,0			5,0	6,3	6,7	Học khá, có cố gắng.	
2	Nguyễn Huy Bảo	9,0	10,0	8,0			8,5	9,3	9,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
3	Trần Quốc Đạt	9,0	6,0	7,0			7,5	6,3	7,0	Học khá, có cố gắng.	
4	Lê Thành Đạt	9,0	10,0	8,0			8,5	8,0	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
5	Nguyễn Trần Nhứt Hào	9,0	10,0	8,0			8,0	8,0	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	5,0	10,0	8,0			6,8	9,0	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
7	Trần Thị Ngọc Hân	10,0	10,0	8,0			7,8	9,0	8,8	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
8	Trần Minh Hòa	10,0	10,0	8,0			8,3	7,8	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
9	Nguyễn Gia Huy	5,0	10,0	8,0			5,0	5,8	6,3	Học được, cần cố gắng hơn.	
10	Nguyễn Hoàng Huy	8,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
11	Nguyễn Thanh Huy	9,0	10,0	8,0			8,5	9,0	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
12	Nguyễn Tuấn Kha	6,0	7,0	7,0			4,8	4,5	5,4	Học được, cần cố gắng hơn.	
13	Lâm Hoàng An Khang	7,0	10,0	9,0			5,5	8,5	7,8	Học khá, có cố gắng.	
14	Nguyễn Hoàng Khang	5,0	5,0	8,0			8,3	7,5	7,1	Học khá, có cố gắng.	
15	Nguyễn Tuấn Khang	8,0	8,0	7,0			4,5	5,0	5,9	Học được, cần cố gắng hơn.	
16	Đặng Anh Khoa	10,0	7,0	10,0			7,8	5,8	7,5	Học khá, có cố gắng.	
17	Lê Trung Kiên	8,0	5,0	4,0			6,5	4,8	5,6	Học được, cần cố gắng hơn.	
18	Văn Tuấn Kiệt	8,0	9,0	8,0			7,5	8,5	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
19	Phan Thị Diễm Kiều	10,0	10,0	8,0			6,3	9,0	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
20	Trần Hoàng Long	8,0	9,0	6,0			6,3	5,0	6,3	Học được, cần cố gắng hơn.	
21	Nguyễn Minh Luân	8,0	7,0	7,0			4,0	5,3	5,7	Học được, cần cố gắng hơn.	
22	Huỳnh Thị Trúc My	10,0	10,0	7,0			6,5	8,5	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
23	Nguyễn Hoàng Nam	8,0	10,0	8,0			7,8	8,5	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
24	Đào Thị Kim Ngân	8,0	2,0	5,0			5,5	5,3	5,2	Học được, cần cố gắng hơn.	
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	8,0	10,0	8,0			8,8	8,3	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
26	Nguyễn Thanh Nhân	3,0	5,0	6,0			6,5	5,5	5,4	Học được, cần cố gắng hơn.	
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	10,0	10,0	8,0			6,0	7,3	7,7	Học khá, có cố gắng.	
28	Nguyễn Tấn Phát	7,0	7,0	8,0			4,5	7,3	6,6	Học được, cần cố gắng hơn.	
29	Trần Tấn Phong	9,0	10,0	8,0			9,5	8,3	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
30	Lê Châu Tấn Phước	10,0	10,0	8,0			8,3	7,8	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
31	Trần Thị Mỹ Phương	7,0	10,0	8,0			7,8	7,0	7,7	Học khá, có cố gắng.	
32	Phạm Bá Sơn	6,0	10,0	8,0			6,0	6,0	6,8	Học được, cần cố gắng hơn.	
33	Nguyễn Minh Tân	9,0	10,0	8,0			7,5	5,5	7,3	Học được, cần cố gắng hơn.	
34	Trần Phạm Tấn Thành	9,0	10,0	8,0			7,5	6,5	7,7	Học được, cần cố gắng hơn.	
35	Tô Hoàng Anh Thư	9,0	10,0	8,0			2,5	6,3	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.	
36	Trần Tiến	7,0	9,0	10,0			1,0	6,5	5,9	Học được, cần cố gắng hơn.	
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	10,0	9,0	10,0			8,5	9,0	9,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
38	Nguyễn Ngọc Trí	8,0	10,0	6,0			5,8	6,3	6,8	Học khá, có cố gắng.	
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	6,0	10,0	8,0			9,0	8,8	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
40	Nguyễn Minh Tuyền	8,0	10,0	7,0			8,3	9,3	8,7	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
41	Phạm Thanh Vy	9,0	10,0	8,0			8,8	9,5	9,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
42	Võ Thị Thảo Vy	9,0	10,0	8,0			6,5	9,5	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	2,0	10,0	7,0			6,5	5,0	5,9	Học được, cần cố gắng hơn.	
44	Nguyễn Thị Như Ý	8,0	10,0	8,0			6,5	7,3	7,6	Học khá, có cố gắng.	
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	10,0	6,0			6,0	5,0	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ I Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Lê Thị Trâm Anh	7,0	9,0	5,0	7,0		8,0	8,4	7,7	Học khá tốt	
2	Nguyễn Huy Bảo	8,0	6,5	6,0	8,0		6,5	7,1	7,0	Học khá tốt	
3	Trần Quốc Đạt	7,0	7,0	5,5	9,0		6,5	8,1	7,3	Học khá tốt	
4	Lê Thành Đạt	7,0	7,0	6,5	9,0		8,5	7,9	7,8	Học khá tốt	
5	Nguyễn Trần Nhứt Hào	8,0	9,5	9,0	9,0		9,0	7,8	8,5	Học giỏi, chăm ngoan	
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	8,5	7,0	8,0		8,0	7,2	7,6	Học khá tốt	
7	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	9,0	9,0		5,0	7,4	7,5	Học khá tốt	
8	Trần Minh Hòa	10,0	6,0	5,0	9,0		3,5	6,8	6,4	Có cố gắng	
9	Nguyễn Gia Huy	7,0	8,5	7,0	8,0		3,5	8,1	6,9	Học khá tốt	
10	Nguyễn Hoàng Huy	10,0	9,5	7,5	9,0		6,3	8,2	8,1	Học giỏi, chăm ngoan	
11	Nguyễn Thanh Huy	9,0	8,0	7,5	8,0		6,3	8,6	7,9	Học khá tốt	
12	Nguyễn Tuấn Kha	10,0	6,5	5,5	9,0		5,3	7,9	7,3	Học khá tốt	
13	Lâm Hoàng An Khang	9,0	9,0	8,5	7,0		4,3	8,0	7,3	Học khá tốt	
14	Nguyễn Hoàng Khang	8,0	9,5	5,5	8,0		8,3	8,0	8,0	Học khá tốt	
15	Nguyễn Tuấn Khang	7,0	7,5	6,0	7,0		6,3	6,4	6,6	Học khá tốt	
16	Đặng Anh Khoa	8,0	8,0	6,5	9,0		6,0	8,0	7,5	Học khá tốt	
17	Lê Trung Kiên	8,0	5,0	3,5	8,0		6,0	6,0	6,1	Có cố gắng	
18	Văn Tuấn Kiệt	9,0	8,0	7,5	10,0		6,0	9,4	8,3	Học giỏi, chăm ngoan	
19	Phan Thị Diễm Kiều	10,0	7,0	5,0	9,0		5,8	8,0	7,4	Học khá tốt	
20	Trần Hoàng Long	8,0	2,5	1,5	8,0		5,0	5,6	5,2	Có cố gắng	
21	Nguyễn Minh Luân	8,0	8,0	6,5	8,0		7,8	7,2	7,5	Học khá tốt	
22	Huỳnh Thị Trúc My	10,0	8,5	6,5	10,0		5,5	7,7	7,7	Học khá tốt	
23	Nguyễn Hoàng Nam	7,0	7,5	5,0	7,0		7,0	8,6	7,4	Học khá tốt	
24	Đào Thị Kim Ngân	7,0	4,0	4,0	1,0		4,3	6,7	5,0	Cần cố gắng nhiều hơn	
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	10,0	8,0	8,0	9,0		7,0	7,8	8,0	Học khá tốt	
26	Nguyễn Thanh Nhân	6,0	9,0	5,5	7,0		7,3	6,9	7,0	Học khá tốt	
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	8,0	7,0	5,0	8,0		6,0	6,9	6,7	Học khá tốt	
28	Nguyễn Tấn Phát	8,0	8,5	5,5	7,0		7,0	6,6	7,0	Học khá tốt	
29	Trần Tấn Phong	10,0	8,0	6,5	9,0		8,5	7,4	8,1	Học giỏi, chăm ngoan	
30	Lê Châu Tấn Phước	8,0	6,5	5,0	9,0		5,3	6,8	6,6	Học khá tốt	
31	Trần Thị Mỹ Phương	8,0	6,0	4,5	9,0		7,0	6,9	6,9	Học khá tốt	
32	Phạm Bá Sơn	8,0	8,0	4,5	8,0		3,5	5,4	5,7	Có cố gắng	
33	Nguyễn Minh Tân	8,0	8,5	4,5	7,0		3,5	5,4	5,7	Có cố gắng	
34	Trần Phạm Tấn Thành	8,0	7,5	6,5	9,0		8,5	7,6	7,9	Học khá tốt	
35	Tô Hoàng Anh Thư	8,0	8,0	6,5	9,0		4,0	5,7	6,3	Có cố gắng	
36	Trần Tiến	8,0	7,5	5,5	7,0		7,5	8,6	7,6	Học khá tốt	
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	10,0	10,0	9,0	10,0		7,8	7,8	8,7	Học giỏi, chăm ngoan	
38	Nguyễn Ngọc Trí	8,0	5,5	4,0	9,0		3,0	4,7	5,2	Có cố gắng	
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	8,0	8,5	7,0	1,0		5,3	7,6	6,4	Có cố gắng	
40	Nguyễn Minh Tuyền	10,0	9,0	8,5	8,0		6,3	7,2	7,7	Học khá tốt	
41	Phạm Thanh Vy	8,0	9,5	9,0	9,0		4,8	5,0	6,7	Học khá tốt	
42	Võ Thị Thảo Vy	8,0	8,5	6,0	9,0		4,8	7,7	7,1	Học khá tốt	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	7,0	7,5	6,5	7,0		8,0	8,2	7,6	Học khá tốt	
44	Nguyễn Thị Như Ý	8,0	7,5	8,0	9,0		7,0	8,6	8,0	Học khá tốt	
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	7,5	5,5	9,0		6,8	8,3	7,6	Học khá tốt	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hồng Thủy

Giáo Dục Quốc Phòng

Giáo Dục Quốc Phòng

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Lê Thị Trâm Anh	9,0	9,0				8,3	5,8	7,4	Học khá.
2	Nguyễn Huy Bảo	7,0	8,0				8,5	8,0	8,0	Học tốt.
3	Trần Quốc Đạt	8,0	8,0				8,5	4,3	6,6	Cần tích cực hơn ở hk2.
4	Lê Thành Đạt	5,0	7,0				6,5	6,8	6,5	Cần tích cực hơn ở hk2.
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	5,0	7,0				8,0	8,0	7,4	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	5,0	7,0				8,5	5,5	6,5	Cần tích cực hơn ở hk2.
7	Trần Thị Ngọc Hân	9,0	9,0				8,3	8,0	8,4	Chăm ngoan, học tốt.
8	Trần Minh Hòa	7,0	8,0				7,8	8,8	8,1	Chăm ngoan, học khá.
9	Nguyễn Gia Huy	5,0	7,0				7,0	6,5	6,5	Cần tích cực hơn ở hk2.
10	Nguyễn Hoàng Huy	8,0	8,0				8,3	9,3	8,6	Chăm ngoan, học tốt.
11	Nguyễn Thanh Huy	7,0	8,0				8,8	8,8	8,4	Tích cực hơn ở hk2.
12	Nguyễn Tuấn Kha	8,0	8,0				8,5	4,3	6,6	Tích cực hơn ở hk2.
13	Lâm Hoàng An Khang	5,0	7,0				8,3	7,0	7,1	Học khá.
14	Nguyễn Hoàng Khang	5,0	7,0				7,8	6,0	6,5	Tích cực hơn ở hk2.
15	Nguyễn Tuấn Khang	8,0	8,0				8,0	4,5	6,5	Tích cực hơn ở hk2.
16	Đặng Anh Khoa	8,0	8,0				8,0	5,3	6,8	Tích cực hơn ở hk2.
17	Lê Trung Kiên	5,0	7,0				8,3	7,0	7,1	Học khá.
18	Văn Tuấn Kiệt	7,0	8,0				7,8	8,8	8,1	Chăm ngoan, học khá.
19	Phan Thị Diễm Kiều	9,0	9,0				9,0	5,8	7,6	Học khá.
20	Trần Hoàng Long	5,0	7,0				6,8	6,8	6,6	Tích cực hơn ở hk2.
21	Nguyễn Minh Luân	9,0	8,0				8,3	5,5	7,2	Học khá.
22	Huỳnh Thị Trúc My	9,0	9,0				9,0	8,3	8,7	Chăm ngoan, học tốt. Phát huy ở hk2.
23	Nguyễn Hoàng Nam	7,0	8,0				7,0	6,0	6,7	Cần tích cực hơn ở hk2.
24	Đào Thị Kim Ngân	5,0	7,0				7,8	6,0	6,5	Cần tích cực hơn ở hk2.
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	5,0	7,0				7,3	7,8	7,1	Học khá.
26	Nguyễn Thanh Nhân	7,0	8,0				7,3	6,5	7,0	Học khá.
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	7,0	8,0				7,5	6,5	7,1	Học khá.
28	Nguyễn Tấn Phát	5,0	7,0				8,5	5,8	6,6	Cần tích cực hơn ở hk2.
29	Trần Tấn Phong	7,0	8,0				8,0	8,0	7,9	Học khá.
30	Lê Châu Tấn Phước	7,0	8,0				8,0	7,0	7,4	Chăm ngoan, học khá.
31	Trần Thị Mỹ Phương	5,0	7,0				8,5	8,0	7,6	Chăm ngoan, học khá.
32	Phạm Bá Sơn	5,0	7,0				7,8	6,0	6,5	Cần tích cực hơn ở hk2.
33	Nguyễn Minh Tân	7,0	8,0				8,0	7,5	7,6	Chăm ngoan, học khá.
34	Trần Phạm Tấn Thành	5,0	7,0				8,0	5,8	6,5	Cần tích cực hơn ở hk2.
35	Tô Hoàng Anh Thư	8,0	8,0				8,5	6,0	7,3	Học khá.
36	Trần Tiến	8,0	8,0				8,3	7,3	7,8	Chăm ngoan, học khá.
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	9,0	9,0				9,8	8,0	8,8	Chăm ngoan, học tốt. Phát huy ở hk2.
38	Nguyễn Ngọc Trí	7,0	8,0				6,0	6,3	6,6	Tích cực hơn ở hk2.
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	5,0	7,0				8,5	7,5	7,4	Chăm ngoan, học khá.
40	Nguyễn Minh Tuyển	9,0	9,0				8,5	7,5	8,2	Học tốt.
41	Phạm Thanh Vy	9,0	9,0				7,8	8,8	8,6	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
42	Võ Thị Thảo Vy	5,0	7,0				8,0	7,5	7,2	Học khá.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	5,0	7,0				8,8	5,5	6,6	Cần cố gắng hơn ở hk2.
44	Nguyễn Thị Như Ý	9,0	9,0				8,5	7,3	8,1	Chăm ngoan, học khá.
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	8,0				8,3	8,3	8,2	Học tốt, cần phát huy trong học tập.

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hằng

Giáo dục thể chất										
HỌC KỲ I										
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá								Ghi Chú
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)					Thường Xuyên	Giữa kỳ	Cuối kỳ	
1	Lê Thị Trâm Anh	Đ	Đ							Đ
2	Nguyễn Huy Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
3	Trần Quốc Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
4	Lê Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
7	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
8	Trần Minh Hòa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
9	Nguyễn Gia Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
10	Nguyễn Hoàng Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
11	Nguyễn Thanh Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
12	Nguyễn Tuấn Kha	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
13	Lâm Hoàng An Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
14	Nguyễn Hoàng Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
15	Nguyễn Tuấn Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
16	Đặng Anh Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
17	Lê Trung Kiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
18	Văn Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
19	Phan Thị Diễm Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
20	Trần Hoàng Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
21	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
22	Huỳnh Thị Trúc My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
23	Nguyễn Hoàng Nam	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
24	Đào Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
26	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
28	Nguyễn Tấn Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
29	Trần Tấn Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
30	Lê Châu Tấn Phước	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
31	Trần Thị Mỹ Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
32	Phạm Bá Sơn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
33	Nguyễn Minh Tân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
34	Trần Phạm Tấn Thành	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
35	Tô Hoàng Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
36	Trần Tiến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
38	Nguyễn Ngọc Trí	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
40	Nguyễn Minh Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
41	Phạm Thanh Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
42	Võ Thị Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
44	Nguyễn Thị Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
45	Nguyễn Thị Kim Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Hồng Hải

Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên				Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ		
1	Lê Thị Trâm Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
2	Nguyễn Huy Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
3	Trần Quốc Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
4	Lê Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
7	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
8	Trần Minh Hòa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
9	Nguyễn Gia Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
10	Nguyễn Hoàng Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
11	Nguyễn Thanh Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
12	Nguyễn Tuấn Kha	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
13	Lâm Hoàng An Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
14	Nguyễn Hoàng Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
15	Nguyễn Tuấn Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
16	Đặng Anh Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
17	Lê Trung Kiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
18	Văn Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
19	Phan Thị Diễm Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
20	Trần Hoàng Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
21	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
22	Huỳnh Thị Trúc My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
23	Nguyễn Hoàng Nam	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
24	Đào Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
26	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
28	Nguyễn Tấn Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
29	Trần Tấn Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
30	Lê Châu Tấn Phước	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
31	Trần Thị Mỹ Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
32	Phạm Bá Sơn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
33	Nguyễn Minh Tân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
34	Trần Phạm Tấn Thành	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
35	Tô Hoàng Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
36	Trần Tiến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
38	Nguyễn Ngọc Trí	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
40	Nguyễn Minh Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
41	Phạm Thanh Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
42	Võ Thị Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
44	Nguyễn Thị Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
45	Nguyễn Thị Kim Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Việt Quyền, Nguyễn Thị Thùy Ngân, Nguyễn Văn Hiện, Đỗ Nguyễn Hoàng Thuý Vy

HQC KỲ I										
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhân xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Lê Thị Trâm Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
2	Nguyễn Huy Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
3	Trần Quốc Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
4	Lê Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
7	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
8	Trần Minh Hòa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
9	Nguyễn Gia Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
10	Nguyễn Hoàng Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
11	Nguyễn Thanh Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
12	Nguyễn Tuấn Kha	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
13	Lâm Hoàng An Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
14	Nguyễn Hoàng Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
15	Nguyễn Tuấn Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
16	Đặng Anh Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
17	Lê Trung Kiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
18	Văn Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
19	Phan Thị Diễm Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
20	Trần Hoàng Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
21	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
22	Huỳnh Thị Trúc My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
23	Nguyễn Hoàng Nam	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
24	Đào Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hòa đồng, chăm ngoan, học tốt.
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
26	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Thân thiện với bạn bè, vui vẻ và đoàn kết.
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
28	Nguyễn Tấn Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
29	Trần Tấn Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
30	Lê Châu Tấn Phước	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
31	Trần Thị Mỹ Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
32	Phạm Bá Sơn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Lễ phép, chăm chỉ, học tốt.
33	Nguyễn Minh Tân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
34	Trần Phạm Tấn Thành	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
35	Tô Hoàng Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
36	Trần Tiến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
38	Nguyễn Ngọc Trí	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Thân thiện với bạn bè, vui vẻ và đoàn kết.
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
40	Nguyễn Minh Tuyền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Thân thiện với bạn bè, vui vẻ và đoàn kết.
41	Phạm Thanh Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
42	Võ Thị Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia thảo luận, tích cực, vui vẻ.
44	Nguyễn Thị Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Thân thiện với bạn bè, vui vẻ và đoàn kết.
45	Nguyễn Thị Kim Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tham gia tích cực trong hoạt động của lớp.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Minh Triều

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phòng		
1	Lê Thị Trâm Anh	Đ	Đ	Đ	6,1	6,2	7,6	8,1	8,9	6,1	6,7	7,7	7,4	K	T
2	Nguyễn Huy Bảo	Đ	Đ	Đ	7,3	9,1	8,4	8,8	8,1	6,5	9,0	7,0	8,0	T	T
3	Trần Quốc Đạt	Đ	Đ	Đ	5,7	6,1	7,8	6,6	8,2	5,6	7,0	7,3	6,6	K	T
4	Lê Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	6,1	6,1	7,0	6,9	7,5	4,8	8,5	7,8	6,5	Đ	T
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	Đ	Đ	Đ	7,3	7,1	7,5	6,8	8,4	6,0	8,4	8,5	7,4	K	T
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	5,0	6,3	8,1	7,1	8,8	5,3	8,0	7,6	6,5	K	T
7	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	8,0	8,2	9,4	9,7	8,7	6,6	8,8	7,5	8,4	T	T
8	Trần Minh Hòa	Đ	Đ	Đ	6,9	7,5	8,6	7,9	8,2	6,9	8,5	6,4	8,1	K	T
9	Nguyễn Gia Huy	Đ	Đ	Đ	5,8	5,8	6,5	7,6	8,4	5,1	6,3	6,9	6,5	Đ	T
10	Nguyễn Hoàng Huy	Đ	Đ	Đ	8,5	9,5	9,8	9,6	9,2	7,1	9,0	8,1	8,6	T	T
11	Nguyễn Thanh Huy	Đ	Đ	Đ	8,1	9,5	8,8	9,3	8,1	6,1	8,9	7,9	8,4	K	T
12	Nguyễn Tuấn Kha	Đ	Đ	Đ	5,0	6,1	7,8	6,3	7,5	5,4	5,4	7,3	6,6	Đ	T
13	Lâm Hoàng An Khang	Đ	Đ	Đ	8,7	6,7	9,4	6,5	8,8	6,3	7,8	7,3	7,1	K	T
14	Nguyễn Hoàng Khang	Đ	Đ	Đ	7,6	7,7	7,5	7,1	7,4	6,3	7,1	8,0	6,5	K	T
15	Nguyễn Tuấn Khang	Đ	Đ	Đ	5,5	5,3	7,8	5,7	7,6	4,4	5,9	6,6	6,5	Đ	T
16	Đặng Anh Khoa	Đ	Đ	Đ	7,1	6,4	7,7	6,4	8,0	5,7	7,5	7,5	6,8	K	T
17	Lê Trung Kiên	Đ	Đ	Đ	5,8	5,6	7,4	6,4	8,5	4,6	5,6	6,1	7,1	Đ	T
18	Văn Tuấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	9,6	9,1	9,8	9,6	8,8	6,6	8,2	8,3	8,1	T	T
19	Phan Thị Diễm Kiều	Đ	Đ	Đ	6,9	9,2	8,0	8,9	8,7	6,6	8,5	7,4	7,6	K	T
20	Trần Hoàng Long	Đ	Đ	Đ	5,1	5,4	7,4	5,7	7,8	4,5	6,3	5,2	6,6	Đ	T
21	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ	Đ	8,1	5,6	9,7	6,1	8,9	5,6	5,7	7,5	7,2	Đ	T
22	Huỳnh Thị Trúc My	Đ	Đ	Đ	7,1	8,1	7,8	9,4	8,9	6,5	8,2	7,7	8,7	K	T
23	Nguyễn Hoàng Nam	Đ	Đ	Đ	7,3	6,9	8,4	7,8	8,8	6,2	8,4	7,4	6,7	K	T
24	Đào Thị Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	5,1	6,1	7,4	7,3	8,8	5,0	5,2	5,0	6,5	Đ	T
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	Đ	Đ	Đ	6,5	8,8	8,6	8,8	9,3	7,3	8,6	8,0	7,1	T	T
26	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ	Đ	7,4	5,9	8,0	6,6	8,6	5,9	5,4	7,0	7,0	K	T
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	Đ	Đ	Đ	5,9	5,6	7,9	6,7	8,5	5,7	7,7	6,7	7,1	K	T
28	Nguyễn Tấn Phát	Đ	Đ	Đ	6,5	6,3	8,3	7,3	7,7	4,8	6,6	7,0	6,6	Đ	T
29	Trần Tấn Phong	Đ	Đ	Đ	7,1	7,2	8,3	6,2	8,9	6,4	8,9	8,1	7,9	K	T
30	Lê Châu Tấn Phước	Đ	Đ	Đ	6,5	6,8	7,2	7,0	7,9	5,7	8,5	6,6	7,4	K	T
31	Trần Thị Mỹ Phương	Đ	Đ	Đ	6,7	5,9	9,1	7,0	8,1	6,3	7,7	6,9	7,6	K	T
32	Phạm Bá Sơn	Đ	Đ	Đ	6,6	5,8	7,1	5,8	7,3	5,2	6,8	5,7	6,5	Đ	T
33	Nguyễn Minh Tân	Đ	Đ	Đ	5,9	6,2	7,5	7,3	7,5	5,9	7,3	5,7	7,6	Đ	T
34	Trần Phạm Tấn Thành	Đ	Đ	Đ	6,2	6,1	7,8	6,4	8,1	5,9	7,7	7,9	6,5	Đ	T
35	Tô Hoàng Anh Thư	Đ	Đ	Đ	6,5	7,4	7,0	6,8	8,9	4,2	6,4	6,3	7,3	Đ	T
36	Trần Tiến	Đ	Đ	Đ	5,5	6,3	8,5	5,7	8,6	6,1	5,9	7,6	7,8	Đ	T
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	Đ	Đ	Đ	9,5	8,6	9,5	8,8	8,7	6,7	9,1	8,7	8,8	T	T
38	Nguyễn Ngọc Trí	Đ	Đ	Đ	6,5	5,9	7,2	6,1	7,9	5,4	6,8	5,2	6,6	Đ	T
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	Đ	Đ	Đ	8,0	7,5	8,6	8,1	8,3	7,1	8,6	6,4	7,4	K	T
40	Nguyễn Minh Tuyền	Đ	Đ	Đ	9,0	8,7	9,6	9,2	8,9	6,6	8,7	7,7	8,2	T	T
41	Phạm Thanh Vy	Đ	Đ	Đ	8,4	7,8	9,1	9,0	8,2	7,3	9,1	6,7	8,6	T	T
42	Võ Thị Thảo Vy	Đ	Đ	Đ	6,7	7,9	9,1	9,1	8,5	6,0	8,6	7,1	7,2	K	T
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ	Đ	5,7	5,5	7,5	7,1	8,6	5,1	5,9	7,6	6,6	Đ	T
44	Nguyễn Thị Như Ý	Đ	Đ	Đ	6,9	8,4	8,9	8,1	9,1	6,6	7,6	8,0	8,1	T	T
45	Nguyễn Thị Kim Yến	Đ	Đ	Đ	6,9	8,0	8,8	7,9	8,8	5,9	6,4	7,6	8,2	K	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Lê Thị Hồng Thủy

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

Học kỳ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Lê Thị Trâm Anh	4,0	8,0	9,0	9,0	10,0	5,0	9,5	7,9	7.3			Học khá, chăm ngoan
2	Nguyễn Huy Bảo	7,0	9,0	9,0	6,0	7,0	5,5	6,0	6,7	6.9			Học được, cần phát huy nhiều hơn
3	Trần Quốc Đạt	8,0	6,0	6,0	9,0	9,0	5,0	7,8	7,1	6.6			Học khá, chăm ngoan
4	Lê Thành Đạt	5,0	8,0	5,0	9,0	8,0	3,0	9,0	6,8	6.6			Học được, cần phát huy nhiều hơn
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	10,0	9,0	9,0	9,0	8,0	8,5	7,5	8,5	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	4,0	5,0	6,0	9,0	10,0	4,0	8,5	6,8	6.2			Học được, cần phát huy nhiều hơn
7	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	8,0	6,0	8,0	6,3	6,8	7,2	7.5			Học khá, chăm ngoan
8	Trần Minh Hòa	9,0	8,0	9,0	7,0	7,0	7,3	7,0	7,6	7.4			Học khá, chăm ngoan
9	Nguyễn Gia Huy	6,0	9,0	7,0	9,0	7,0	6,5	9,5	8,0	7.3			Học giỏi, chăm ngoan
10	Nguyễn Hoàng Huy	10,0	10,0	10,0	7,0	9,0	8,8	8,0	8,8	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
11	Nguyễn Thanh Huy	10,0	10,0	10,0	8,0	8,0	7,8	8,5	8,7	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
12	Nguyễn Tuấn Kha	4,0	9,0	8,0	8,0	7,0	4,5	7,0	6,6	6.1			Học được, cần phát huy nhiều hơn
13	Lâm Hoàng An Khang	10,0	10,0	10,0	7,0	5,0	7,5	4,3	7,0	7.6			Học khá, chăm ngoan
14	Nguyễn Hoàng Khang	10,0	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,5	8,3	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
15	Nguyễn Tuấn Khang	5,0	7,0	8,0	8,0	7,0	4,0	7,3	6,5	6.2			Học được, cần phát huy nhiều hơn
16	Đặng Anh Khoa	7,0	7,0	9,0	8,0	8,0	5,0	6,3	6,8	6.9			Học được, cần phát huy nhiều hơn
17	Lê Trung Kiên	4,0	6,0	7,0	7,0	8,0	4,5	7,0	6,2	6.1			Học được, cần phát huy nhiều hơn
18	Vân Tuấn Kiệt	10,0	10,0	10,0	8,0	8,0	9,8	7,3	8,8	9.1			Học giỏi, chăm ngoan
19	Phan Thị Diễm Kiều	9,0	9,0	9,0	8,0	8,0	7,3	6,5	7,7	7.4			Học khá, chăm ngoan
20	Trần Hoàng Long	4,0	5,0	6,0	6,0	7,0	4,5	7,5	6,0	5.7			Học được, cần phát huy nhiều hơn
21	Nguyễn Minh Luân	6,0	9,0	10,0	7,0	8,0	5,5	5,5	6,8	7.2			Học được, cần phát huy nhiều hơn
22	Huỳnh Thị Trúc My	9,0	7,0	8,0	5,0	7,0	7,0	6,8	7,0	7.0			Học khá, chăm ngoan
23	Nguyễn Hoàng Nam	10,0	9,0	10,0	8,0	10,0	9,5	8,3	9,1	8.5			Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
24	Đào Thị Kim Ngân	6,0	9,0	9,0	8,0	8,0	4,0	6,0	6,6	6.1			Học được, cần phát huy nhiều hơn
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	8,0	9,0	9,0	7,0	5,0	5,0	4,8	6,2	6.3			Học được, cần phát huy nhiều hơn
26	Nguyễn Thanh Nhân	8,0	9,0	9,0	7,0	7,0	6,0	5,3	6,8	7.0			Học được, cần phát huy nhiều hơn
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	8,0	8,0	8,0	7,0	6,0	4,5	6,5	6,6	6.4			Học được, cần phát huy nhiều hơn
28	Nguyễn Tấn Phát	8,0	8,0	9,0	5,0	8,0	5,0	5,0	6,3	6.4			Học được, cần phát huy nhiều hơn
29	Trần Tấn Phong	8,0	9,0	9,0	7,0	10,0	5,5	8,0	7,8	7.6			Học khá, chăm ngoan
30	Lê Châu Tấn Phước	7,0	9,0	9,0	7,0	6,0	6,5	6,3	7,0	6.8			Học khá, chăm ngoan
31	Trần Thị Mỹ Phương	8,0	8,0	9,0	7,0	6,0	4,5	4,3	6,0	6.2			Học được, cần phát huy nhiều hơn
32	Phạm Bá Sơn	5,0	8,0	8,0	6,0	5,0	4,5	4,3	5,4	5.8			Cần phát huy nhiều hơn
33	Nguyễn Minh Tân	8,0	8,0	8,0	7,0	6,0	5,0	4,3	6,0	6.0			Học được, cần phát huy nhiều hơn
34	Trần Phạm Tấn Thành	6,0	8,0	8,0	7,0	9,0	7,0	8,5	7,8	7.3			Học khá, chăm ngoan
35	Tô Hoàng Anh Thư	6,0	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,3	7,8	7.4			Học khá, chăm ngoan
36	Trần Tiến	7,0	8,0	7,0	8,0	9,0	4,0	8,5	7,3	6.7			Học khá, chăm ngoan
37	Nguyễn Thị Thủy Trang	10,0	9,0	10,0	8,0	8,0	10,0	7,0	8,6	8.9			Học giỏi, chăm ngoan
38	Nguyễn Ngọc Trí	8,0	9,0	8,0	6,0	6,0	4,0	4,5	5,9	6.1			Cần phát huy nhiều hơn
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	10,0	9,0	10,0	7,0	8,0	6,0	6,5	7,6	7.7			Học khá, chăm ngoan
40	Nguyễn Minh Tuyền	10,0	10,0	10,0	7,0	9,0	9,5	7,3	8,7	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
41	Phạm Thanh Vy	10,0	9,0	9,0	8,0	7,0	8,5	7,3	8,2	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
42	Võ Thị Thảo Vy	9,0	9,0	9,0	6,0	8,0	4,0	6,8	6,9	6.8			Học được, cần phát huy nhiều hơn
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	4,0	6,0	7,0	9,0	10,0	3,0	7,0	6,3	6.1			Học được, cần phát huy nhiều hơn
44	Nguyễn Thị Như Ý	10,0	8,0	9,0	7,0	8,0	5,0	7,0	7,3	7.2			Học khá, chăm ngoan
45	Nguyễn Thị Kim Yến	10,0	9,0	9,0	8,0	8,0	5,0	7,0	7,5	7.3			Học khá, chăm ngoan

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Duy Phương

HỌC KỲ II														
Vật lý		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Lê Thị Trâm Anh	8,0	8,0	5,0	8,0		5,5	6,0	6,4	6.3			Học khá!	
2	Nguyễn Huy Bảo	8,0	7,0	10,0	9,0		9,5	7,8	8,5	8.7			Tích cực trong giờ học!	
3	Trần Quốc Đạt	8,0	6,0	6,0	9,0		6,5	4,8	6,3	6.2			Học khá!	
4	Lê Thành Đạt	8,0	6,0	5,0	8,0		4,3	5,0	5,6	5.8			học được, cần cố gắng nhiều hơn nữa!	
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	8,0	7,0	8,0	9,0		8,0	5,0	7,0	7.0			Có sự tiến bộ, học khá!	
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	6,0	5,0	8,0		7,0	5,3	6,3	6.3			Học khá!	
7	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	6,0	7,0	9,0		8,0	5,5	6,9	7.3			Học khá!	
8	Trần Minh Hòa	8,0	9,0	9,0	10,0		8,8	7,5	8,5	8.2			Tích cực trong giờ học!	
9	Nguyễn Gia Huy	8,0	6,0	5,0	8,0		5,8	5,0	6,0	5.9			Học khá!	
10	Nguyễn Hoàng Huy	9,0	9,0	10,0	9,0		8,5	8,3	8,8	9.0			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
11	Nguyễn Thanh Huy	9,0	8,0	8,0	9,0		9,5	9,0	8,9	9.1			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
12	Nguyễn Tuấn Kha	8,0	6,0	5,0	8,0		4,5	5,0	5,7	5.8			học được, cố gắng nhiều hơn	
13	Lâm Hoàng An Khang	8,0	10,0	6,0	9,0		8,3	6,0	7,5	7.2			Học khá!	
14	Nguyễn Hoàng Khang	8,0	8,0	7,0	9,0		7,3	7,0	7,5	7.6			Có sự tiến bộ, học khá!	
15	Nguyễn Tuấn Khang	8,0	6,0	5,0	8,0		5,0	4,5	5,6	5.5			học được, cố gắng nhiều hơn	
16	Đặng Anh Khoa	8,0	9,0	5,0	9,0		5,3	5,0	6,3	6.3			Học khá!	
17	Lê Trung Kiên	8,0	6,0	5,0	8,0		5,3	4,5	5,7	5.7			học được, cố gắng nhiều hơn	
18	Vân Tuấn Kiệt	9,0	9,0	10,0	9,0		9,5	7,8	8,8	8.9			Tích cực trong giờ học!	
19	Phan Thị Diễm Kiều	9,0	8,0	10,0	9,0		8,3	7,0	8,2	8.5			Tích cực trong giờ học!	
20	Trần Hoàng Long	8,0	6,0	5,0	8,0		4,8	6,5	6,2	5.9			Học khá!	
21	Nguyễn Minh Luân	8,0	8,0	5,0	9,0		5,0	4,5	5,9	5.8			học được, cố gắng nhiều hơn	
22	Huỳnh Thị Trúc My	9,0	8,0	10,0	9,0		8,0	6,5	7,9	8.0			Học khá!	
23	Nguyễn Hoàng Nam	8,0	6,0	5,0	8,0		8,8	7,3	7,4	7.2			Học khá!	
24	Đào Thị Kim Ngân	8,0	6,0	5,0	9,0		6,5	5,5	6,4	6.3			Học khá!	
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	9,0	9,0	8,0	10,0		8,3	6,5	8,0	8.3			Tích cực trong giờ học!	
26	Nguyễn Thanh Nhân	8,0	9,0	6,0	9,0		4,8	5,5	6,5	6.3			Học khá!	
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	8,0	6,0	5,0	9,0		5,3	5,0	6,0	5.9			Học khá!	
28	Nguyễn Tấn Phát	8,0	9,0	5,0	9,0		5,0	5,0	6,2	6.2			Học khá!	
29	Trần Tấn Phong	8,0	7,0	5,0	9,0		8,0	7,3	7,4	7.3			Học khá!	
30	Lê Châu Tấn Phước	8,0	8,0	7,0	9,0		5,8	6,0	6,8	6.8			Học khá!	
31	Trần Thị Mỹ Phương	8,0	8,0	5,0	9,0		5,3	4,5	6,0	6.0			Học khá!	
32	Phạm Bá Sơn	8,0	7,0	7,0	9,0		4,8	4,5	6,0	5.9			Học khá!	
33	Nguyễn Minh Tân	8,0	7,0	7,0	9,0		7,0	5,0	6,7	6.5			Học khá!	
34	Trần Phạm Tấn Thành	8,0	6,0	7,0	9,0		5,3	4,5	6,0	6.0			Học khá!	
35	Tô Hoàng Anh Thư	8,0	8,0	10,0	9,0		6,0	5,5	7,1	7.2			Có sự tiến bộ, học khá!	
36	Trần Tiến	8,0	6,0	5,0	9,0		5,3	5,0	6,0	6.1			Học khá!	
37	Nguyễn Thị Thủy Trang	9,0	8,0	9,0	10,0		9,5	8,0	8,8	8.7			Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!	
38	Nguyễn Ngọc Trí	8,0	6,0	6,0	9,0		4,5	5,0	5,9	5.9			học được, cố gắng nhiều hơn	
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	8,0	9,0	7,0	9,0		8,5	6,8	7,8	7.7			Có sự tiến bộ, học khá!	
40	Nguyễn Minh Tuyền	8,0	8,0	10,0	9,0		9,5	8,8	8,9	8.8			Tích cực trong giờ học!	
41	Phạm Thanh Vy	8,0	8,0	9,0	9,0		9,5	7,8	8,5	8.3			Tích cực trong giờ học!	
42	Võ Thị Thảo Vy	8,0	8,0	10,0	9,0		9,0	9,0	8,9	8.6			Tích cực trong giờ học!	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	6,0	5,0	8,0		5,3	5,0	5,8	5.7			học được, cố gắng nhiều hơn	
44	Nguyễn Thị Như Ý	9,0	9,0	10,0	9,0		9,0	8,0	8,8	8.7			Tích cực trong giờ học!	
45	Nguyễn Thị Kim Yến	9,0	10,0	9,0	9,0		7,0	7,0	8,0	8.0			Tích cực trong giờ học!	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Bùi Yến Khanh

HÓA HỌC HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Lê Thị Trâm Anh	8,0	7,0	8,0	8,0		7,3	8,3	7,8	7.7			Học khá. Chăm, ngoan
2	Nguyễn Huy Bảo	9,0	9,0	8,0	8,0		7,5	10,0	8,8	8.7			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
3	Trần Quốc Đạt	9,0	8,0	8,0	8,0		8,0	6,0	7,4	7.5			Học khá. Chăm, ngoan
4	Lê Thành Đạt	7,0	7,0	8,0	8,0		5,0	6,8	6,7	6.8			Học khá. Chăm, ngoan
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	9,0	8,0	9,0	8,0		9,5	10,0	9,2	8.6			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	7,0	8,0	8,0		6,8	6,5	7,2	7.5			Học khá. Chăm, ngoan
7	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	8,0	8,0		7,8	8,5	8,2	8.6			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
8	Trần Minh Hòa	7,0	8,0	8,0	8,0		7,8	9,0	8,2	8.3			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
9	Nguyễn Gia Huy	8,0	9,0	8,0	8,0		7,3	6,8	7,6	7.2			Học khá. Chăm, ngoan
10	Nguyễn Hoàng Huy	10,0	10,0	9,0	9,0		10,0	10,0	9,8	9.8			Học giỏi. Chăm, ngoan
11	Nguyễn Thanh Huy	9,0	9,0	8,0	9,0		8,5	9,3	8,9	8.9			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
12	Nguyễn Tuấn Kha	9,0	8,0	8,0	8,0		7,0	7,0	7,6	7.7			Học khá. Chăm, ngoan
13	Lâm Hoàng An Khang	8,0	10,0	9,0	9,0		10,0	10,0	9,6	9.5			Học giỏi. Chăm, ngoan
14	Nguyễn Hoàng Khang	9,0	10,0	8,0	8,0		7,0	9,0	8,4	8.1			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
15	Nguyễn Tuấn Khang	8,0	8,0	8,0	8,0		7,0	6,5	7,3	7.5			Học khá. Chăm, ngoan
16	Đặng Anh Khoa	7,0	8,0	8,0	8,0		7,0	6,8	7,3	7.4			Học khá. Chăm, ngoan
17	Lê Trung Kiên	7,0	7,0	8,0	8,0		5,3	8,3	7,3	7.3			Học khá. Chăm, ngoan
18	Vân Tuấn Kiệt	10,0	10,0	9,0	9,0		9,5	10,0	9,7	9.7			Học giỏi. Chăm, ngoan
19	Phan Thị Diễm Kiều	9,0	10,0	8,0	8,0		8,3	7,3	8,2	8.1			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
20	Trần Hoàng Long	7,0	7,0	8,0	8,0		5,0	7,3	6,9	7.1			Học khá. Chăm, ngoan
21	Nguyễn Minh Luân	10,0	8,0	9,0	8,0		7,3	7,8	8,1	8.6			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
22	Huỳnh Thị Trúc My	7,0	8,0	8,0	8,0		7,3	9,3	8,2	8.1			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
23	Nguyễn Hoàng Nam	7,0	9,0	8,0	8,0		6,3	9,0	8,0	8.1			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
24	Đào Thị Kim Ngân	8,0	8,0	8,0	9,0		5,5	8,3	7,7	7.6			Học khá. Chăm, ngoan
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	8,0	9,0	8,0	8,0		9,0	7,3	8,1	8.3			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
26	Nguyễn Thanh Nhân	8,0	9,0	8,0	8,0		6,5	7,3	7,5	7.7			Học khá. Chăm, ngoan
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	7,0	9,0	8,0	8,0		6,3	7,0	7,3	7.5			Học khá. Chăm, ngoan
28	Nguyễn Tấn Phát	7,0	7,0	8,0	8,0		7,3	8,8	7,9	8.0			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
29	Trần Tấn Phong	9,0	9,0	9,0	9,0		9,0	10,0	9,3	9.0			Học giỏi. Chăm, ngoan
30	Lê Châu Tấn Phước	8,0	7,0	8,0	8,0		7,5	8,8	8,0	7.7			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
31	Trần Thị Mỹ Phương	7,0	8,0	8,0	8,0		7,8	9,8	8,4	8.6			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
32	Phạm Bá Sơn	8,0	9,0	8,0	9,0		5,3	5,3	6,7	6.8			Học khá. Chăm, ngoan
33	Nguyễn Minh Tân	7,0	8,0	8,0	8,0		8,8	9,8	8,7	8.3			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
34	Trần Phạm Tấn Thành	8,0	9,0	8,0	8,0		7,8	6,8	7,7	7.7			Học khá. Chăm, ngoan
35	Tô Hoàng Anh Thư	8,0	8,0	8,0	8,0		5,8	9,3	7,9	7.6			Học khá. Chăm, ngoan
36	Trần Tiến	8,0	8,0	8,0	8,0		7,0	6,7	7,3	7.7			Học khá. Chăm, ngoan
37	Nguyễn Thị Thủy Trang	10,0	10,0	9,0	9,0		10,0	9,8	9,7	9.6			Học giỏi. Chăm, ngoan
38	Nguyễn Ngọc Trí	7,0	8,0	8,0	8,0		6,8	6,5	7,1	7.1			Học khá. Chăm, ngoan
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	8,0	8,0	8,0	8,0		7,3	9,0	8,2	8.3			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
40	Nguyễn Minh Tuyền	9,0	10,0	8,0	9,0		9,3	10,0	9,4	9.5			Học giỏi. Chăm, ngoan
41	Phạm Thanh Vy	10,0	10,0	9,0	9,0		9,8	9,8	9,7	9.5			Học giỏi. Chăm, ngoan
42	Võ Thị Thảo Vy	8,0	8,0	8,0	8,0		8,5	9,5	8,6	8.8			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	8,0	8,0	8,0		5,8	6,5	7,0	7.2			Học khá. Chăm, ngoan
44	Nguyễn Thị Như Ý	8,0	10,0	8,0	8,0		7,0	9,8	8,6	8.7			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	10,0	8,0	8,0		7,3	8,0	8,1	8.3			Chăm, ngoan. Có ý thức học tập tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ung Nguyễn Thị Thùy Dương

Sinh học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Lê Thị Trâm Anh	8,0	7,0	8,0			7,5	9,3	8,2	8.2			Chăm ngoan, học tốt.
2	Nguyễn Huy Bảo	9,0	10,0	9,0			8,8	9,8	9,4	9.2			Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
3	Trần Quốc Đạt	10,0	7,0	7,0			6,8	6,5	7,1	6.9			Chăm ngoan, học khá.
4	Lê Thành Đạt	8,0	5,0	5,0			5,0	6,8	6,1	6.4			Học được, cần cố gắng hơn.
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	9,0	10,0	8,0			8,0	9,5	8,9	8.2			Chăm ngoan, học tốt.
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	3,0	6,0			7,3	8,8	7,4	7.3			Chăm ngoan, học khá.
7	Trần Thị Ngọc Hân	8,0	7,0	8,0			6,8	7,8	7,5	8.2			Chăm ngoan, học khá.
8	Trần Minh Hòa	9,0	8,0	9,0			8,3	7,8	8,3	8.2			Chăm ngoan, học tốt.
9	Nguyễn Gia Huy	8,0	3,0	6,0			5,0	7,5	6,2	6.7			Học được, cần cố gắng hơn.
10	Nguyễn Hoàng Huy	9,0	10,0	9,0			8,8	10,0	9,5	9.5			Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
11	Nguyễn Thanh Huy	8,0	9,0	8,0			8,8	9,8	9,0	9.1			Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
12	Nguyễn Tuấn Kha	10,0	7,0	8,0			6,0	6,5	7,1	6.8			Chăm ngoan, học khá.
13	Lâm Hoàng An Khang	10,0	10,0	9,0			8,8	6,8	8,4	7.8			Chăm ngoan, học tốt.
14	Nguyễn Hoàng Khang	7,0	9,0	9,0			7,8	8,5	8,3	7.9			Chăm ngoan, học tốt.
15	Nguyễn Tuấn Khang	10,0	7,0	6,0			6,5	6,3	6,9	6.5			Chăm ngoan, học khá.
16	Đặng Anh Khoa	7,0	7,0	10,0			5,0	7,3	7,0	6.8			Chăm ngoan, học khá.
17	Lê Trung Kiên	6,0	9,0	3,0			7,0	6,5	6,4	6.4			Học được, cần cố gắng hơn.
18	Vân Tuấn Kiệt	10,0	10,0	9,0			9,0	9,5	9,4	9.5			Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
19	Phan Thị Diễm Kiều	9,0	8,0	8,0			8,0	9,3	8,6	8.7			Chăm ngoan, học tốt.
20	Trần Hoàng Long	9,0	7,0	3,0			6,8	6,5	6,5	6.2			Học được, cần cố gắng hơn.
21	Nguyễn Minh Luân	10,0	7,0	8,0			4,5	5,0	6,1	6.1			Học được, cần cố gắng hơn.
22	Huỳnh Thị Trúc My	10,0	3,0	7,0			7,5	6,3	6,7	7.6			Học được, cần cố gắng hơn.
23	Nguyễn Hoàng Nam	9,0	3,0	9,0			7,5	9,5	8,1	8.0			Chăm ngoan, học tốt.
24	Đào Thị Kim Ngân	10,0	7,0	9,0			9,0	9,0	8,9	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	9,0	9,0	9,0			8,5	7,0	8,1	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
26	Nguyễn Thanh Nhân	7,0	7,0	10,0			6,8	6,8	7,3	7.1			Chăm ngoan, học khá.
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	9,0	3,0	9,0			6,5	6,8	6,8	6.8			Chăm ngoan, học khá.
28	Nguyễn Tấn Phát	8,0	8,0	10,0			7,8	5,8	7,4	7.4			Chăm ngoan, học khá.
29	Trần Tấn Phong	8,0	7,0	9,0			7,8	8,5	8,1	7.5			Chăm ngoan, học tốt.
30	Lê Châu Tấn Phước	9,0	9,0	9,0			7,5	7,0	7,9	7.6			Chăm ngoan, học khá.
31	Trần Thị Mỹ Phương	8,0	9,0	9,0			5,3	7,8	7,5	7.3			Chăm ngoan, học khá.
32	Phạm Bá Sơn	5,0	7,0	8,0			3,0	6,5	5,7	5.7			Học được, cần cố gắng hơn.
33	Nguyễn Minh Tân	9,0	8,0	9,0			6,0	8,5	7,9	7.7			Chăm ngoan, học khá.
34	Trần Phạm Tấn Thành	9,0	7,0	9,0			8,0	9,5	8,7	7.9			Chăm ngoan, học tốt.
35	Tô Hoàng Anh Thư	7,0	3,0	9,0			6,5	7,5	6,8	6.8			Chăm ngoan, học khá.
36	Trần Tiến	10,0	7,0	7,0			6,8	8,8	8,0	7.2			Chăm ngoan, học tốt.
37	Nguyễn Thị Thủy Trang	10,0	10,0	9,0			9,8	8,8	9,4	9.2			Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
38	Nguyễn Ngọc Trí	7,0	8,0	9,0			5,0	6,0	6,5	6.4			Học được, cần cố gắng hơn.
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	9,0	10,0	9,0			8,5	8,0	8,6	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
40	Nguyễn Minh Tuyền	10,0	10,0	9,0			9,8	10,0	9,8	9.6			Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
41	Phạm Thanh Vy	9,0	10,0	9,0			9,3	9,0	9,2	9.1			Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
42	Võ Thị Thảo Vy	8,0	8,0	9,0			8,0	9,8	8,8	8.9			Chăm ngoan, học tốt.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	7,0	3,0	9,0			6,5	8,0	7,0	7.0			Chăm ngoan, học khá.
44	Nguyễn Thị Như Ý	9,0	8,0	9,0			8,3	10,0	9,1	8.8			Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	8,0	9,0			7,8	7,0	7,7	7.8			Chăm ngoan, học khá.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Trang

Tin học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Lê Thị Trâm Anh	8,0	10,0	7,0			8,0	7,8	8,1	8.4			Học Tốt
2	Nguyễn Huy Bảo	9,0	9,0	9,0			7,0	9,5	8,7	8.5			Học Tốt
3	Trần Quốc Đạt	8,0	9,0	6,0			7,5	6,3	7,1	7.5			Học Khá
4	Lê Thành Đạt	9,0	8,0	8,0			7,3	8,0	8,0	7.8			Học Tốt
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	8,0	9,0	10,0			7,0	9,8	8,8	8.7			Học Tốt
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	10,0	8,0			8,0	7,8	8,1	8.3			Học Tốt
7	Trần Thị Ngọc Hân	7,0	10,0	8,0			7,5	8,0	8,0	8.2			Học Tốt
8	Trần Minh Hòa	9,0	8,0	8,0			7,0	8,5	8,1	8.1			Học Tốt
9	Nguyễn Gia Huy	8,0	9,0	9,0			7,3	7,5	7,9	8.1			Học Khá
10	Nguyễn Hoàng Huy	9,0	10,0	8,0			7,5	8,5	8,4	8.7			Học Tốt
11	Nguyễn Thanh Huy	8,0	9,0	9,0			7,0	9,8	8,7	8.5			Học Tốt
12	Nguyễn Tuấn Kha	9,0	10,0	8,0			7,0	5,0	7,0	7.2			Học Khá
13	Lâm Hoàng An Khang	8,0	8,0	8,0			7,3	7,8	7,8	8.1			Học Khá
14	Nguyễn Hoàng Khang	8,0	9,0	9,0			7,8	8,0	8,2	7.9			Học Tốt
15	Nguyễn Tuấn Khang	7,0	10,0	9,0			7,0	7,0	7,6	7.6			Học Khá
16	Đặng Anh Khoa	8,0	10,0	8,0			7,0	7,0	7,6	7.7			Học Khá
17	Lê Trung Kiên	7,0	7,0	7,0			7,0	7,3	7,1	7.6			Học Khá
18	Vân Tuấn Kiệt	9,0	9,0	8,0			7,5	8,3	8,2	8.4			Học Tốt
19	Phan Thị Diễm Kiều	7,0	8,0	9,0			7,5	8,5	8,1	8.3			Học Tốt
20	Trần Hoàng Long	8,0	8,0	8,0			7,0	7,5	7,6	7.7			Học Khá
21	Nguyễn Minh Luân	8,0	9,0	6,0			7,0	6,3	7,0	7.6			Học Khá
22	Huỳnh Thị Trúc My	7,0	9,0	8,0			7,3	8,3	7,9	8.2			Học Khá
23	Nguyễn Hoàng Nam	8,0	8,0	8,0			7,5	7,0	7,5	7.9			Học Khá
24	Đào Thị Kim Ngân	8,0	10,0	9,0			7,8	9,5	8,9	8.9			Học Tốt
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	8,0	9,0	8,0			7,0	8,3	8,0	8.4			Học Tốt
26	Nguyễn Thanh Nhân	8,0	9,0	9,0			7,0	7,5	7,8	8.1			Học Khá
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	7,0	8,0	7,0			8,0	7,5	7,6	7.9			Học Khá
28	Nguyễn Tấn Phát	7,0	10,0	8,0			7,5	7,5	7,8	7.8			Học Khá
29	Trần Tấn Phong	8,0	9,0	8,0			7,0	8,8	8,2	8.4			Học Tốt
30	Lê Châu Tấn Phước	8,0	10,0	9,0			7,0	7,3	7,9	7.9			Học Khá
31	Trần Thị Mỹ Phương	7,0	10,0	8,0			7,0	7,8	7,8	7.9			Học Khá
32	Phạm Bá Sơn	7,0	7,0	7,0			7,0	8,0	7,4	7.4			Học Khá
33	Nguyễn Minh Tân	8,0	10,0	8,0			7,0	6,8	7,6	7.6			Học Khá
34	Trần Phạm Tấn Thành	8,0	8,0	8,0			7,0	8,8	8,1	8.1			Học Tốt
35	Tô Hoàng Anh Thư	7,0	9,0	8,0			7,3	7,5	7,6	8.0			Học Tốt
36	Trần Tiến	8,0	9,0	6,0			7,0	6,0	6,9	7.5			Học Khá
37	Nguyễn Thị Thủy Trang	7,0	9,0	10,0			8,0	8,8	8,6	8.6			Học Tốt
38	Nguyễn Ngọc Trí	7,0	9,0	6,0			7,0	7,8	7,4	7.6			Học Khá
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	8,0	9,0	9,0			8,5	7,3	8,1	8.2			Học Tốt
40	Nguyễn Minh Tuyền	8,0	10,0	9,0			7,0	7,8	8,1	8.4			Học Tốt
41	Phạm Thanh Vy	8,0	9,0	10,0			7,5	7,8	8,2	8.2			Học Tốt
42	Võ Thị Thảo Vy	7,0	9,0	8,0			7,0	9,5	8,3	8.4			Học Tốt
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	7,0	9,0	7,0			8,0	8,5	8,1	8.3			Học Tốt
44	Nguyễn Thị Như Ý	8,0	10,0	8,0			7,8	8,5	8,4	8.6			Học Tốt
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	10,0	9,0			7,8	5,5	7,4	7.9			Học Khá

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trương Phụng Thọ

HỌC KỲ II Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Lê Thị Trâm Anh	7,0	5,0	7,0	7,0		5,5	5,0	5,8	5.9			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
2	Nguyễn Huy Bảo	10,0	10,0	8,0	8,0		6,0	6,0	7,3	7.0			Học khá
3	Trần Quốc Đạt	7,0	5,0	7,0	9,0		6,0	5,0	6,1	5.9			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
4	Lê Thành Đạt	7,0	7,0	7,0	5,0		5,0	4,5	5,5	5.3			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	8,0	10,0	8,0	8,0		6,0	5,0	6,8	6.5			Học khá
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	6,0	5,0	7,0	9,0		6,0	5,5	6,2	5.9			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
7	Trần Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	8,0	9,0		6,5	6,0	7,3	7.1			Học khá
8	Trần Minh Hòa	10,0	10,0	8,0	8,0		6,5	6,0	7,4	7.2			Học khá
9	Nguyễn Gia Huy	6,0	5,0	6,0	7,0		5,0	3,5	4,9	5.0			Cần cố gắng hơn
10	Nguyễn Hoàng Huy	10,0	10,0	9,0	8,0		7,0	6,0	7,7	7.5			Học khá
11	Nguyễn Thanh Huy	10,0	10,0	8,0	8,0		5,5	4,5	6,7	6.5			Học khá
12	Nguyễn Tuấn Kha	7,0	7,0	6,0	6,0		5,0	5,0	5,7	5.6			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
13	Lâm Hoàng An Khang	7,0	10,0	8,0	8,0		5,5	4,5	6,4	6.4			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
14	Nguyễn Hoàng Khang	7,0	9,0	8,0	5,0		6,0	6,0	6,6	6.5			Học khá
15	Nguyễn Tuấn Khang	7,0	7,0	6,0	6,0		4,5	4,5	5,4	5.1			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
16	Đặng Anh Khoa	7,0	7,0	6,0	7,0		4,0	4,5	5,4	5.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
17	Lê Trung Kiên	6,0	5,0	5,0	5,0		5,0	4,5	4,9	4.8			Cần cố gắng hơn
18	Vân Tuấn Kiệt	10,0	10,0	8,0	7,0		5,5	5,5	6,9	6.8			Học khá
19	Phan Thị Diễm Kiều	7,0	10,0	7,0	8,0		6,0	5,5	6,7	6.7			Học khá
20	Trần Hoàng Long	6,0	7,0	5,0	5,0		4,0	4,5	4,9	4.8			Cần cố gắng hơn
21	Nguyễn Minh Luân	7,0	7,0	7,0	7,0		5,0	5,0	5,9	5.8			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
22	Huỳnh Thị Trúc My	6,0	8,0	7,0	5,0		5,0	5,5	5,8	6.0			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
23	Nguyễn Hoàng Nam	7,0	7,0	7,0	7,0		4,5	5,5	5,9	6.0			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
24	Đào Thị Kim Ngân	7,0	7,0	7,0	8,0		5,0	4,0	5,7	5.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	10,0	10,0	8,0	9,0		7,0	6,0	7,7	7.6			Học khá
26	Nguyễn Thanh Nhân	7,0	8,0	7,0	7,0		5,0	5,0	6,0	6.0			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	7,0	10,0	7,0	8,0		6,0	6,0	6,9	6.5			Học khá
28	Nguyễn Tấn Phát	6,0	5,0	6,0	7,0		2,5	4,5	4,7	4.7			Cần cố gắng hơn
29	Trần Tấn Phong	9,0	10,0	8,0	8,0		6,0	6,5	7,4	7.1			Học khá
30	Lê Châu Tấn Phước	9,0	10,0	7,0	8,0		5,5	6,0	7,0	6.6			Học khá
31	Trần Thị Mỹ Phương	9,0	9,0	8,0	9,0		6,5	6,0	7,3	7.0			Học khá
32	Phạm Bá Sơn	7,0	7,0	7,0	6,0		4,5	5,0	5,7	5.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
33	Nguyễn Minh Tân	8,0	9,0	8,0	8,0		5,0	4,5	6,3	6.2			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
34	Trần Phạm Tấn Thành	9,0	9,0	8,0	9,0		6,5	6,0	7,3	6.8			Học khá
35	Tô Hoàng Anh Thư	7,0	5,0	7,0	5,0		3,5	3,5	4,6	4.5			Cần cố gắng hơn
36	Trần Tiến	7,0	9,0	7,0	6,0		4,5	4,5	5,7	5.8			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
37	Nguyễn Thị Thủy Trang	9,0	10,0	8,0	9,0		6,5	6,0	7,4	7.2			Học khá
38	Nguyễn Ngọc Trí	7,0	7,0	8,0	8,0		4,5	6,5	6,5	6.1			Học khá
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	9,0	10,0	8,0	5,0		6,0	5,0	6,6	6.8			Học khá
40	Nguyễn Minh Tuyền	10,0	9,0	8,0	8,0		6,0	6,0	7,2	7.0			Học khá
41	Phạm Thanh Vy	10,0	10,0	8,0	9,0		7,0	6,5	7,8	7.6			Học khá
42	Võ Thị Thảo Vy	9,0	9,0	7,0	8,0		4,5	5,0	6,3	6.2			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	7,0	5,0	6,0	7,0		5,0	5,0	5,6	5.4			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ
44	Nguyễn Thị Như Ý	9,0	9,0	8,0	9,0		5,5	5,5	6,9	6.8			Học khá
45	Nguyễn Thị Kim Yến	8,0	7,0	8,0	7,0		5,5	5,5	6,4	6.2			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Vân

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Lê Thị Trâm Anh	8,0	9,0	9,0			8,3	8,8	8,6	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
2	Nguyễn Huy Bảo	10,0	10,0	10,0			8,8	9,5	9,5	9.3			Học tốt, chăm ngoan.
3	Trần Quốc Đạt	10,0	9,0	9,0			6,5	8,3	8,2	7.8			Học tốt, chăm ngoan.
4	Lê Thành Đạt	9,0	9,0	9,0			7,0	8,3	8,2	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	8,0	8,0	8,0			7,8	9,5	8,5	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	9,0	9,0			8,8	9,3	8,9	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
7	Trần Thị Ngọc Hân	10,0	8,0	8,0			9,0	9,3	9,0	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
8	Trần Minh Hòa	10,0	9,0	9,0			7,8	9,0	8,8	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
9	Nguyễn Gia Huy	8,0	9,0	9,0			5,0	7,8	7,4	7.0			Học khá, chăm ngoan.
10	Nguyễn Hoàng Huy	10,0	9,0	9,0			9,5	9,5	9,4	9.3			Học tốt, chăm ngoan.
11	Nguyễn Thanh Huy	10,0	9,0	9,0			8,5	9,5	9,2	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
12	Nguyễn Tuấn Kha	10,0	8,0	8,0			5,3	9,3	8,1	7.2			Học tốt, chăm ngoan.
13	Lâm Hoàng An Khang	10,0	9,0	9,0			6,8	9,3	8,7	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
14	Nguyễn Hoàng Khang	8,0	9,0	9,0			9,0	9,5	9,1	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
15	Nguyễn Tuấn Khang	9,0	8,0	8,0			5,8	8,8	7,9	7.2			Học khá, chăm ngoan.
16	Đặng Anh Khoa	8,0	10,0	10,0			6,8	9,0	8,6	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
17	Lê Trung Kiên	10,0	10,0	10,0			5,0	9,0	8,4	7.5			Học tốt, chăm ngoan.
18	Vân Tuấn Kiệt	10,0	9,0	9,0			8,8	9,0	9,1	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
19	Phan Thị Diễm Kiều	10,0	9,0	9,0			7,0	8,8	8,6	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
20	Trần Hoàng Long	9,0	10,0	10,0			5,3	9,3	8,4	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
21	Nguyễn Minh Luân	9,0	10,0	10,0			7,0	8,3	8,5	7.6			Học tốt, chăm ngoan.
22	Huỳnh Thị Trúc My	10,0	9,0	9,0			7,5	7,8	8,3	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
23	Nguyễn Hoàng Nam	10,0	9,0	9,0			8,3	9,3	9,1	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
24	Đào Thị Kim Ngân	9,0	10,0	10,0			5,3	8,3	8,1	7.1			Học tốt, chăm ngoan.
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	10,0	9,0	9,0			8,5	9,8	9,3	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
26	Nguyễn Thanh Nhân	10,0	8,0	8,0			6,8	9,3	8,4	7.4			Học tốt, chăm ngoan.
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	9,0	9,0	9,0			7,8	9,5	8,9	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
28	Nguyễn Tấn Phát	8,0	10,0	10,0			5,5	8,0	7,9	7.5			Học khá, chăm ngoan.
29	Trần Tấn Phong	10,0	8,0	8,0			8,8	10,0	9,2	9.1			Học tốt, chăm ngoan.
30	Lê Châu Tấn Phước	10,0	9,0	9,0			6,3	8,8	8,4	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
31	Trần Thị Mỹ Phương	7,0	9,0	9,0			8,0	9,3	8,6	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
32	Phạm Bá Sơn	7,0	8,0	8,0			5,3	7,0	6,8	6.8			Học khá, chăm ngoan.
33	Nguyễn Minh Tân	10,0	9,0	9,0			7,3	9,3	8,8	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
34	Trần Phạm Tấn Thành	9,0	9,0	9,0			7,0	10,0	8,9	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
35	Tô Hoàng Anh Thư	10,0	9,0	9,0			6,8	8,8	8,5	7.8			Học tốt, chăm ngoan.
36	Trần Tiến	6,0	8,0	8,0			6,5	9,3	7,9	7.2			Học khá, chăm ngoan.
37	Nguyễn Thị Thủy Trang	9,0	10,0	10,0			9,0	9,8	9,6	9.4			Học tốt, chăm ngoan.
38	Nguyễn Ngọc Trí	9,0	8,0	8,0			5,5	8,0	7,5	7.3			Học khá, chăm ngoan.
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	8,0	10,0	10,0			7,3	9,5	8,9	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
40	Nguyễn Minh Tuyền	10,0	10,0	10,0			8,3	9,0	9,2	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
41	Phạm Thanh Vy	7,0	9,0	9,0			8,5	9,0	8,6	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
42	Võ Thị Thảo Vy	10,0	8,0	8,0			7,3	9,8	8,8	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	10,0	9,0	9,0			8,3	9,3	9,1	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
44	Nguyễn Thị Như Ý	9,0	10,0	10,0			8,0	9,3	9,1	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
45	Nguyễn Thị Kim Yến	10,0	9,0	9,0			6,8	9,5	8,8	8.0			Học tốt, chăm ngoan.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Văn Trọng Trí, Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ II Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Lê Thị Trâm Anh	8,0	5,5	7,0	6,0		6,8	7,6	7,0	7.2			Học khá tốt
2	Nguyễn Huy Bảo	9,0	7,5	6,0	6,0		8,0	9,4	8,1	7.7			Học giỏi, chăm ngoan
3	Trần Quốc Đạt	8,0	3,5	8,0	7,0		3,0	7,8	6,2	6.6			Có cố gắng
4	Lê Thành Đạt	8,0	2,0	5,0	6,0		4,3	5,8	5,2	6.1			Có cố gắng
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	9,0	8,0	8,0	7,0		7,8	8,2	8,0	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	5,0	5,0	5,0		6,5	6,4	6,1	6.6			Có cố gắng
7	Trần Thị Ngọc Hân	9,0	3,5	6,0	7,0		5,0	7,2	6,3	6.7			Có cố gắng
8	Trần Minh Hòa	9,0	6,0	7,0	8,0		5,3	8,0	7,2	6.9			Học khá tốt
9	Nguyễn Gia Huy	8,0	6,5	1,0	5,0		6,0	6,6	5,8	6.2			Có cố gắng
10	Nguyễn Hoàng Huy	9,0	8,5	7,0	8,0		8,8	8,6	8,4	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
11	Nguyễn Thanh Huy	9,0	4,0	5,0	6,0		8,0	9,4	7,6	7.7			Học khá tốt
12	Nguyễn Tuấn Kha	8,0	2,0	7,0	6,0		3,0	5,2	5,0	5.8			Có cố gắng
13	Lâm Hoàng An Khang	8,0	5,5	7,0	7,0		4,0	9,4	7,1	7.2			Học khá tốt
14	Nguyễn Hoàng Khang	9,0	6,5	1,0	5,0		6,8	8,0	6,6	7.1			Học khá tốt
15	Nguyễn Tuấn Khang	8,0	3,0	10,0	7,0		3,8	5,8	5,9	6.1			Có cố gắng
16	Đặng Anh Khoa	8,0	1,5	5,0	7,0		6,3	7,2	6,2	6.6			Có cố gắng
17	Lê Trung Kiên	9,0	4,0	1,0	5,0		5,3	4,4	4,8	5.2			Cần cố gắng nhiều hơn nữa
18	Vân Tuấn Kiệt	9,0	6,0	8,0	8,0		8,0	9,2	8,3	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
19	Phan Thị Diễm Kiều	9,0	6,0	5,0	6,0		4,3	8,2	6,6	6.9			Học khá tốt
20	Trần Hoàng Long	9,0	3,5	1,0	5,0		4,8	4,8	4,7	4.9			Cần cố gắng nhiều hơn nữa
21	Nguyễn Minh Luân	9,0	3,5	7,0	7,0		5,8	6,8	6,5	6.8			Học khá tốt
22	Huỳnh Thị Trúc My	9,0	5,0	6,0	6,0		5,3	6,6	6,3	6.8			Có cố gắng
23	Nguyễn Hoàng Nam	8,0	3,5	3,0	5,0		4,5	6,6	5,4	6.1			Có cố gắng
24	Đào Thị Kim Ngân	9,0	4,0	7,0	8,0		3,8	5,4	5,8	5.5			Có cố gắng
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	8,0	6,0	7,0	7,0		6,3	7,6	7,0	7.3			Học khá tốt
26	Nguyễn Thanh Nhân	9,0	3,5	7,0	6,0		4,3	5,8	5,7	6.1			Có cố gắng
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	9,0	2,0	5,0	6,0		3,0	7,0	5,4	5.8			Có cố gắng
28	Nguyễn Tấn Phát	5,0	1,5	6,0	6,0		5,3	4,8	4,8	5.5			Cần cố gắng nhiều hơn nữa
29	Trần Tấn Phong	9,0	5,0	6,0	6,0		6,8	9,2	7,5	7.7			Học khá tốt
30	Lê Châu Tấn Phước	9,0	5,0	7,0	7,0		3,5	8,4	6,7	6.7			Học khá tốt
31	Trần Thị Mỹ Phương	8,0	5,0	6,0	7,0		6,0	7,8	6,8	6.8			Học khá tốt
32	Phạm Bá Sơn	9,0	3,5	5,0	6,0		2,5	6,8	5,4	5.5			Có cố gắng
33	Nguyễn Minh Tân	8,0	5,0	6,0	7,0		5,3	7,0	6,4	6.2			Có cố gắng
34	Trần Phạm Tấn Thành	9,0	6,5	5,0	6,0		7,5	8,4	7,4	7.6			Học khá tốt
35	Tô Hoàng Anh Thư	9,0	4,5	1,0	5,0		2,5	4,6	4,3	5.0			Cần cố gắng nhiều hơn nữa
36	Trần Tiến	8,0	4,0	7,0	8,0		6,5	4,6	6,0	6.5			Có cố gắng
37	Nguyễn Thị Thủy Trang	8,0	9,0	9,0	9,0		8,5	9,4	8,9	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
38	Nguyễn Ngọc Trí	9,0	2,0	6,0	6,0		3,0	5,8	5,2	5.2			Có cố gắng
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	9,0	7,0	5,0	6,0		7,8	8,2	7,5	7.1			Học khá tốt
40	Nguyễn Minh Tuyền	9,0	5,5	6,0	8,0		8,8	9,6	8,3	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
41	Phạm Thanh Vy	9,0	5,5	7,0	8,0		6,0	8,6	7,5	7.2			Học khá tốt
42	Võ Thị Thảo Vy	9,0	5,5	6,0	7,0		7,8	8,0	7,5	7.4			Học khá tốt
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	2,5	1,0	5,0		5,3	6,2	5,1	5.9			Có cố gắng
44	Nguyễn Thị Như Ý	9,0	4,5	6,0	7,0		7,0	8,8	7,4	7.6			Học khá tốt
45	Nguyễn Thị Kim Yến	9,0	4,5	5,0	7,0		5,8	8,4	6,9	7.1			Học khá tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hồng Thủy

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 40/48

Giáo dục thể chất

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn En, Phạm Hồng Hải

HỌC KỲ II													
Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)										Ghi Chú	
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại		
											Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ
1	Lê Thị Trâm Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan
2	Nguyễn Huy Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan
3	Trần Quốc Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
4	Lê Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
7	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
8	Trần Minh Hòa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
9	Nguyễn Gia Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
10	Nguyễn Hoàng Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
11	Nguyễn Thanh Huy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
12	Nguyễn Tuấn Kha	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
13	Lâm Hoàng An Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
14	Nguyễn Hoàng Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
15	Nguyễn Tuấn Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
16	Đặng Anh Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
17	Lê Trung Kiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
18	Văn Tuấn Kiệt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
19	Phan Thị Diễm Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
20	Trần Hoàng Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
21	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
22	Huỳnh Thị Trúc My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
23	Nguyễn Hoàng Nam	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
24	Đào Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
26	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
28	Nguyễn Tấn Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
29	Trần Tấn Phong	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
30	Lê Châu Tấn Phước	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
31	Trần Thị Mỹ Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
32	Phạm Bá Sơn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
33	Nguyễn Minh Tân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
34	Trần Phạm Tấn Thành	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
35	Tô Hoàng Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
36	Trần Tiến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
37	Nguyễn Thị Thủy Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
38	Nguyễn Ngọc Trí	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
40	Nguyễn Minh Tuyển	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
41	Phạm Thanh Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
42	Võ Thị Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
44	Nguyễn Thị Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
45	Nguyễn Thị Kim Yến	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thúy Quyên, Nguyễn Thị Lệ Huyền

HĐTrN-HN														HỌC KỲ II														(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú																											
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																																							
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại																													
												Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ	Cuối năm																										
1	Lê Thị Trâm Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Có ý thức học tập																											
2	Nguyễn Huy Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
3	Trần Quốc Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
4	Lê Thành Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
7	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
8	Trần Minh Hòa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
9	Nguyễn Gia Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt																											
10	Nguyễn Hoàng Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
11	Nguyễn Thanh Huy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
12	Nguyễn Tuấn Kha	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
13	Lâm Hoàng An Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
14	Nguyễn Hoàng Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
15	Nguyễn Tuấn Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
16	Đặng Anh Khoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
17	Lê Trung Kiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt																											
18	Vân Tuấn Kiệt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
19	Phan Thị Diễm Kiều	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
20	Trần Hoàng Long	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
21	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
22	Huỳnh Thị Trúc My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
23	Nguyễn Hoàng Nam	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
24	Đào Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt																											
26	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt																											
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt																											
28	Nguyễn Tấn Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
29	Trần Tấn Phong	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
30	Lê Châu Tấn Phước	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
31	Trần Thị Mỹ Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
32	Phạm Bá Sơn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
33	Nguyễn Minh Tân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
34	Trần Phạm Tấn Thành	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
35	Tô Hoàng Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
36	Trần Tiến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
37	Nguyễn Thị Thủy Trang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
38	Nguyễn Ngọc Trí	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt																											
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
40	Nguyễn Minh Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
41	Phạm Thanh Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											
42	Võ Thị Thảo Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ tập luyện. Có ý thức học tập tốt.																											
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập																											
44	Nguyễn Thị Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt																											
45	Nguyễn Thị Kim Yến	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.																											

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Anh Đào

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Tin học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phòng		
1	Lê Thị Trâm Anh	Đ	Đ	Đ	7,9	6,4	7,8	8,2	8,1	5,8	8,6	7,0	7,9	K	T
2	Nguyễn Huy Bảo	Đ	Đ	Đ	6,7	8,5	8,8	9,4	8,7	7,3	9,5	8,1	8,7	T	T
3	Trần Quốc Đạt	Đ	Đ	Đ	7,1	6,3	7,4	7,1	7,1	6,1	8,2	6,2	8,1	K	T
4	Lê Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	6,8	5,6	6,7	6,1	8,0	5,5	8,2	5,2	7,6	Đ	T
5	Nguyễn Trần Nhứt Hào	Đ	Đ	Đ	8,5	7,0	9,2	8,9	8,8	6,8	8,5	8,0	8,4	T	T
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	6,8	6,3	7,2	7,4	8,1	6,2	8,9	6,1	7,1	K	T
7	Trần Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	7,2	6,9	8,2	7,5	8,0	7,3	9,0	6,3	7,4	K	T
8	Trần Minh Hòa	Đ	Đ	Đ	7,6	8,5	8,2	8,3	8,1	7,4	8,8	7,2	8,3	T	T
9	Nguyễn Gia Huy	Đ	Đ	Đ	8,0	6,0	7,6	6,2	7,9	4,9	7,4	5,8	7,3	Đ	T
10	Nguyễn Hoàng Huy	Đ	Đ	Đ	8,8	8,8	9,8	9,5	8,4	7,7	9,4	8,4	8,7	T	T
11	Nguyễn Thanh Huy	Đ	Đ	Đ	8,7	8,9	8,9	9,0	8,7	6,7	9,2	7,6	8,1	T	T
12	Nguyễn Tuấn Kha	Đ	Đ	Đ	6,6	5,7	7,6	7,1	7,0	5,7	8,1	5,0	7,1	K	T
13	Lâm Hoàng An Khang	Đ	Đ	Đ	7,0	7,5	9,6	8,4	7,8	6,4	8,7	7,1	7,7	K	T
14	Nguyễn Hoàng Khang	Đ	Đ	Đ	8,3	7,5	8,4	8,3	8,2	6,6	9,1	6,6	8,3	T	T
15	Nguyễn Tuấn Khang	Đ	Đ	Đ	6,5	5,6	7,3	6,9	7,6	5,4	7,9	5,9	7,7	K	T
16	Đặng Anh Khoa	Đ	Đ	Đ	6,8	6,3	7,3	7,0	7,6	5,4	8,6	6,2	8,6	K	T
17	Lê Trung Kiên	Đ	Đ	Đ	6,2	5,7	7,3	6,4	7,1	4,9	8,4	4,8	7,3	Đ	K
18	Văn Tuấn Kiệt	Đ	Đ	Đ	8,8	8,8	9,7	9,4	8,2	6,9	9,1	8,3	8,6	T	T
19	Phan Thị Diễm Kiều	Đ	Đ	Đ	7,7	8,2	8,2	8,6	8,1	6,7	8,6	6,6	8,3	T	T
20	Trần Hoàng Long	Đ	Đ	Đ	6,0	6,2	6,9	6,5	7,6	4,9	8,4	4,7	8,0	Đ	K
21	Nguyễn Minh Luân	Đ	Đ	Đ	6,8	5,9	8,1	6,1	7,0	5,9	8,5	6,5	8,0	K	T
22	Huỳnh Thị Trúc My	Đ	Đ	Đ	7,0	7,9	8,2	6,7	7,9	5,8	8,3	6,3	7,7	K	T
23	Nguyễn Hoàng Nam	Đ	Đ	Đ	9,1	7,4	8,0	8,1	7,5	5,9	9,1	5,4	7,7	K	K
24	Đào Thị Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	6,6	6,4	7,7	8,9	8,9	5,7	8,1	5,8	8,0	K	T
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	Đ	Đ	Đ	6,2	8,0	8,1	8,1	8,0	7,7	9,3	7,0	7,6	K	T
26	Nguyễn Thanh Nhân	Đ	Đ	Đ	6,8	6,5	7,5	7,3	7,8	6,0	8,4	5,7	8,1	K	T
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	Đ	Đ	Đ	6,6	6,0	7,3	6,8	7,6	6,9	8,9	5,4	8,1	K	T
28	Nguyễn Tấn Phát	Đ	Đ	Đ	6,3	6,2	7,9	7,4	7,8	4,7	7,9	4,8	7,0	Đ	T
29	Trần Tấn Phong	Đ	Đ	Đ	7,8	7,4	9,3	8,1	8,2	7,4	9,2	7,5	8,3	K	T
30	Lê Châu Tấn Phước	Đ	Đ	Đ	7,0	6,8	8,0	7,9	7,9	7,0	8,4	6,7	8,6	K	T
31	Trần Thị Mỹ Phương	Đ	Đ	Đ	6,0	6,0	8,4	7,5	7,8	7,3	8,6	6,8	7,6	K	T
32	Phạm Bá Sơn	Đ	Đ	Đ	5,4	6,0	6,7	5,7	7,4	5,7	6,8	5,4	7,9	Đ	T
33	Nguyễn Minh Tân	Đ	Đ	Đ	6,0	6,7	8,7	7,9	7,6	6,3	8,8	6,4	8,3	K	T
34	Trần Phạm Tấn Thành	Đ	Đ	Đ	7,8	6,0	7,7	8,7	8,1	7,3	8,9	7,4	8,1	K	T
35	Tô Hoàng Anh Thư	Đ	Đ	Đ	7,8	7,1	7,9	6,8	7,6	4,6	8,5	4,3	8,0	Đ	T
36	Trần Tiến	Đ	Đ	Đ	7,3	6,0	7,3	8,0	6,9	5,7	7,9	6,0	8,4	K	T
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	Đ	Đ	Đ	8,6	8,8	9,7	9,4	8,6	7,4	9,6	8,9	9,0	T	T
38	Nguyễn Ngọc Trí	Đ	Đ	Đ	5,9	5,9	7,1	6,5	7,4	6,5	7,5	5,2	8,1	K	T
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	Đ	Đ	Đ	7,6	7,8	8,2	8,6	8,1	6,6	8,9	7,5	8,3	K	T
40	Nguyễn Minh Tuyền	Đ	Đ	Đ	8,7	8,9	9,4	9,8	8,1	7,2	9,2	8,3	8,1	T	T
41	Phạm Thanh Vy	Đ	Đ	Đ	8,2	8,5	9,7	9,2	8,2	7,8	8,6	7,5	8,3	T	T
42	Vô Thị Thảo Vy	Đ	Đ	Đ	6,9	8,9	8,6	8,8	8,3	6,3	8,8	7,5	7,3	K	T
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ	Đ	6,3	5,8	7,0	7,0	8,1	5,6	9,1	5,1	7,1	Đ	K
44	Nguyễn Thị Như Ý	Đ	Đ	Đ	7,3	8,8	8,6	9,1	8,4	6,9	9,1	7,4	8,3	T	T
45	Nguyễn Thị Kim Yến	Đ	Đ	Đ	7,5	8,0	8,1	7,7	7,4	6,4	8,8	6,9	8,0	K	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Lê Thị Hồng Thủy

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Lê Thị Trâm Anh	K	K			3				Tổng số học sinh: 45
2	Nguyễn Huy Bảo	T	T						Học sinh Giỏi	
3	Trần Quốc Đạt	T	K			2				
4	Lê Thành Đạt	T	Đ			6				
5	Nguyễn Trần Nhựt Hào	T	T						Học sinh Giỏi	- Được lên lớp: 0 trong đó 0 học sinh Được lên lớp sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè.
6	Nguyễn Thị Ngọc Hân	K	K			6				
7	Trần Thị Ngọc Hân	T	K			1				
8	Trần Minh Hòa	T	T						Học sinh Giỏi	
9	Nguyễn Gia Huy	T	K			1				- Không được lên lớp: 0
10	Nguyễn Hoàng Huy	T	T						Học sinh Giỏi	
11	Nguyễn Thanh Huy	T	T			2			Học sinh Giỏi	
12	Nguyễn Tuấn Kha	T	Đ			2				
13	Lâm Hoàng An Khang	T	K							Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)
14	Nguyễn Hoàng Khang	T	K			2				
15	Nguyễn Tuấn Khang	T	Đ							
16	Đặng Anh Khoa	T	K							
17	Lê Trung Kiên	K	Đ			19				Lê Thị Hồng Thủy
18	Văn Tuấn Kiệt	T	T						Học sinh Giỏi	
19	Phan Thị Diễm Kiều	T	T			1			Học sinh Giỏi	
20	Trần Hoàng Long	K	Đ			1				
21	Nguyễn Minh Luân	T	K			1				Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
22	Huỳnh Thị Trúc My	T	K			5				
23	Nguyễn Hoàng Nam	T	K			2				
24	Đào Thị Kim Ngân	T	Đ			5				
25	Huỳnh Thị Mai Ngọc	T	K			1				Nguyễn Minh Triều
26	Nguyễn Thanh Nhân	T	K							
27	Nguyễn Ngọc Mẫn Nhi	T	K			2				
28	Nguyễn Tấn Phát	T	Đ			10				
29	Trần Tấn Phong	T	K							
30	Lê Châu Tấn Phước	T	K							
31	Trần Thị Mỹ Phương	T	K			5				
32	Phạm Bá Sơn	T	Đ			2				
33	Nguyễn Minh Tân	T	K							
34	Trần Phạm Tấn Thành	T	K							
35	Tô Hoàng Anh Thư	T	Đ			3				
36	Trần Tiến	T	K							
37	Nguyễn Thị Thùy Trang	T	T			3			Học sinh Giỏi	
38	Nguyễn Ngọc Trí	T	Đ			3				
39	Lê Hoàng Cẩm Tú	T	K			4				
40	Nguyễn Minh Tuyền	T	T						Học sinh Giỏi	
41	Phạm Thanh Vy	T	T						Học sinh Giỏi	
42	Võ Thị Thảo Vy	T	K			2				
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	K	Đ			7				
44	Nguyễn Thị Như Ý	T	T						Học sinh Giỏi	
45	Nguyễn Thị Kim Yến	T	K			1				

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 10	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 11	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 12	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 1	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 3	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 4	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 5	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều